

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH — NGUYỄN KHÁNH HÀ — ĐỖ NGỌC THỐNG
ĐOÀN THIÊN THUẬT — NGUYỄN VIỆT TIẾN — NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Tiếng Việt Vui

SÁCH BÀI TẬP
QUYỂN

6

(SÁCH THỬ NGHIỆM)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách bài tập *Tiếng Việt Vui* là tài liệu kèm theo sách học sinh nhằm giúp người học có thêm cơ hội củng cố hiểu biết và rèn luyện kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Bộ sách gồm 6 cuốn, mỗi cuốn ứng với một cuốn sách học sinh.

Cuốn sách này gồm 12 bài, mỗi bài ứng với một bài học trong sách *Tiếng Việt Vui, quyển 6*, không kể các bài ôn tập. Bài tập trong sách gồm các loại như sau :

- Bài tập hệ thống hoá vốn từ.
- Bài tập hội thoại.
- Bài tập ngữ pháp.
- Bài tập chính tả.
- Bài tập làm văn.

Giáo viên và người học có thể lựa chọn những bài tập thích hợp để thực hiện ngay trên lớp, cùng với bài tập trong sách học sinh. Các bài tập còn lại, người học tự làm ở nhà.

Để thích hợp với hoạt động tự học, các bài tập trong sách đều là bài tập viết. Nhưng nếu có thời gian và có người cùng học, bạn nên dựa vào những bài tập viết đó để rèn luyện thêm kĩ năng hội thoại.

Kinh nghiệm cho thấy, để nắm vững một ngôn ngữ, người học càng có cơ hội rèn luyện nhiều càng tốt. Cuốn sách bài tập này là cơ hội rèn luyện của bạn.

Chúc bạn thành công !

Thay mặt các tác giả

Chủ biên

GS.TS. NGUYỄN MINH THUYẾT



1. Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi :

CHA SẼ LUÔN Ở BÊN CON



Năm 1989, tại Armenia, một trận động đất lớn xảy ra, làm chết hơn 30 000 người trong 4 phút.

Một người cha chạy vội đến trường học của con trai. Ngôi trường chỉ còn là một đồng gạch. Ông không nói được nên lời. Ông nhớ lại lời hứa với con trai : “Dù chuyện gì xảy ra, cha cũng sẽ luôn ở bên con.” Nhìn ngôi trường đổ nát thì không thể hi vọng điều gì, nhưng ông không quên lời hứa đó.

Ông cố nhớ lại vị trí lớp học mà ông vẫn đưa con đến hằng ngày. Ông chạy đến đó và bắt đầu đào bới. Một số người kéo ông ra, bảo :

– Muộn quá rồi ! Ông không làm được gì nữa đâu !

Cảnh sát cũng khuyên ông về nhà vì đây là vùng nguy hiểm.

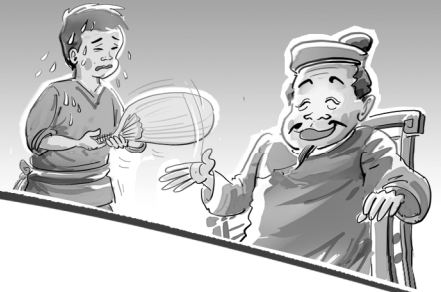
Với ai, ông cũng chỉ có một câu hỏi : “Anh có giúp tôi không ?”, sau đó lại tiếp tục đào bới. 12 giờ ... Rồi 24 giờ ... Khi người ta lật một mảng tường lớn, ông bỗng nghe thấy tiếng con trai. Ông mừng rỡ gọi tên nó. Có tiếng trả lời : “Cha ơi !” Ông tiếp tục đào. Mọi người cũng ra sức đào.

Bức tường đổ đã tạo ra một khoảng trống nhỏ nên bọn trẻ còn sống.

Ông vừa đào vừa gọi :

– Ở đó thế nào hả con ?

– Chúng con có 14 đứa. Chúng con đói và khát lắm.



Khi đã nhìn thấy lũ trẻ, ông bảo :

– Các con chui ra đi !

– Để các bạn ra trước. Cha ơi ! Con đã bảo các bạn là nếu còn sống, nhất định cha sẽ cứu con và các bạn mà.

Theo truyện ARMENIA

a) Năm 1989, ở Armenia xảy ra chuyện gì ?

.....

.....

b) Đến trường tìm con, người cha thấy điều gì ?

.....

.....

c) Vì sao người cha vẫn đào bới đồng gạch để tìm con ?

.....

.....

d) Khi mảng tường được lật lên, người cha nghe thấy gì ?

.....

.....

e) Lúc gặp nạn, cậu bé nói gì với các bạn ?

.....

.....

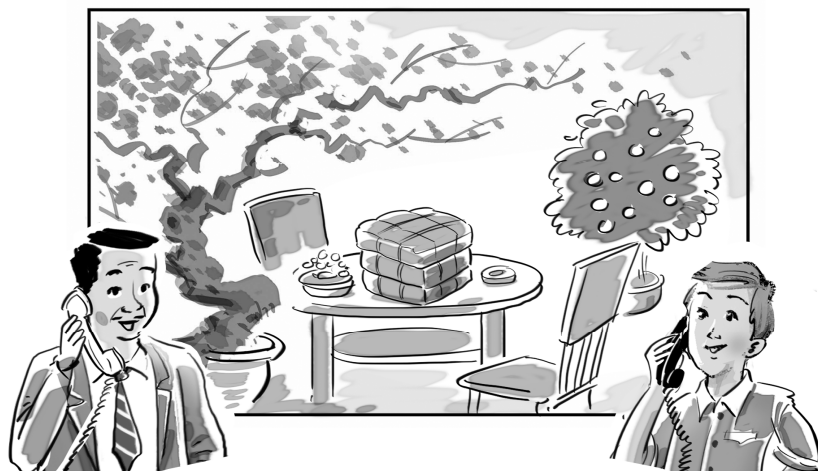
g) Em nghĩ gì về người cha trong câu chuyện này ?

.....

.....

2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại sau :

A LÔ ! CHÀO CHÁU !



Quân : – A lô ! Cháu chào chú ạ. Cháu chúc chú thím và các em năm mới mọi điều tốt đẹp !

- Chú Khánh : – Quân đấy à ? Cảm ơn cháu. Chú chúc cháu khoẻ và học giỏi nhé !
 Nào, chuyển máy cho chú chúc Tết (1) cháu với !
- Quân : – Bố mẹ ơi, chú Quân chúc Tết !
- Chú Khánh : – Chào anh. (2) và (3) ăn Tết có vui không ạ ?
- Bố Quân : – Ở nhà ăn Tết vui lắm. Chú thím và các cháu ở bên đó ăn Tết thế nào ?
- Chú Khánh : – Ở bên (4) Tết đúng vào ngày làm việc. Chúng em phải ăn Tết trước, vào cuối tuần vừa rồi.
- Bố Quân : – Sao chú không đưa (5) và (6) về Việt Nam ăn Tết ?
- Chú Khánh : – (7) phải đi học, chúng em đi làm. Để nghỉ hè về thì tốt hơn.
- Bố Quân : – Thôi được. Nghỉ hè này, anh chị mời gia đình chú thím cùng đi tắm biển Nha Trang nhé.
- Chú Khánh : – Hay quá ! Chúng em (8) Nha Trang lắm. Anh à, nhà em muốn nói chuyện với chị một chút.
- Thím Khánh : – Chào (9) Chị ơi, năm mới, em chúc anh chị và các cháu mạnh khoẻ, gặp nhiều may mắn ! Em nghe nói trước Tết chị phải nằm viện ạ ?
- Mẹ Quân : – Chị bị ngã cầu thang, có vào viện mấy ngày, nhưng đã (10) viện một tuần nay rồi.
- Thím Khánh : – May quá ! Anh chị năm nay cũng nhiều tuổi rồi, phải giữ sức khoẻ đấy. Em mong chị thật khoẻ để hè này đi chơi, chị nhé.

3. Dựa theo nội dung bài tập trên, hoàn thành các hội thoại sau :

- a) – Ở nhà,
 – Anh chị ăn Tết vui lắm.
- b) –
 – Chúng em cũng muốn về Việt Nam ăn Tết, nhưng các cháu phải đi học, chúng em phải đi làm.
- c) –
 – Nha Trang ạ ? Hay quá ! Chúng em sẽ đi.
- d) – Em nghe nói trước Tết chị phải nằm viện ? Chị bị sao ạ ?
 –

4. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp : *tiếng, phòng khách, nghe thấy, chờ, làm vỡ, ông bố, rửa bát, cậu bé*

Ăn tối xong, ông bố và cậu con trai chín tuổi ngồi xem ti vi trong (1)
 Bà mẹ và cô con gái (2) trong bếp.

Bố có (3) vật gì bị rơi vỡ trong bếp. Ông bố và cậu con trai
(4) một lát, nhưng không nghe thấy gì nữa.

Cậu con trai nói :

– Chắc là mẹ (5) cái gì rồi.

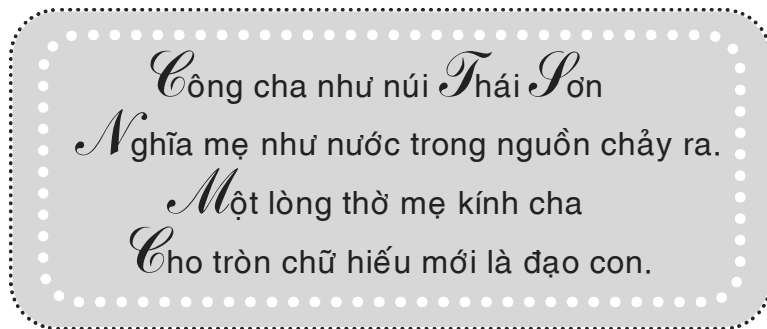
(6) hỏi :

– Tại sao con biết ?

(7) trả lời :

– Bởi vì con không (8) mẹ nói gì cả.

5. Chép lại các câu ca dao sau. Viết một đoạn văn cho biết em hiểu những câu đó thế nào.



.....
.....
.....
.....

Viết đoạn văn :

.....
.....
.....
.....
.....

6. Điền từ **cả** vào chỗ thích hợp trong các câu sau :

a) Ba anh em đều bơi giỏi.

.....

b) Trời lạnh, các cửa trong nhà đều đóng kín.

.....

c) Ngày mùng Một Tết, các cửa hàng đều đóng cửa.

.....

d) Năm người ăn cơm xong đều thích uống nước cam.

.....

7. Dùng **nối** để đặt câu, hoàn thành các hội thoại sau :

a) –

– Con no rồi, không ăn được nữa đâu ạ.

- b) –
 – Con buồn ngủ lắm rồi. Sáng mai con sẽ làm bài tập ấy.
- c) –
 – Tôi biết chị bán rẻ, nhưng mua hết thì tôi không đủ tiền.
- d) –
 – Còn một ít tiền Việt cũng không sao. Lần sau về Việt Nam lại tiêu tiếp.

8. Đặt câu, sử dụng từ *cho* (chỉ mục đích).

M : con mặc cái áo này / ấm → Con mặc cái áo này **cho** ấm.

- a) em đội cái mũ này / khỏi lạnh đầu

- b) con phải cố mà học / giỏi

- c) chúng ta nghỉ một tí / đỡ mệt

- d) cậu mở hết các cửa sổ / sáng

- e) chị uống một cốc nước chanh / khỏi khát

- g) hai em đi rửa mặt / tỉnh ngủ

- h) cậu đọc quyển truyện này / đỡ buồn

9. Dùng *đâu* (với nghĩa *không, chưa*) để hoàn thành các hội thoại sau :

- a) – Con ăn sáng rồi thì đi học đi.
 –
- b) – Em mua báo cho ba rồi à ?
 –
- c) – Chắc em đã nếm thử món ăn này rồi ?
 –
- d) – Sáng nay đi siêu thị, mẹ có mua mũ cho con không ?
 –
- e) – Chị đã cho máy giặt chạy rồi à ?
 –

10. Dùng cách nói *làm sao ... được* để diễn đạt lại các ý sau :

- a) Món ăn này cay quá, không ăn được.

- b) Mẹ không mang đủ tiền, không mua xe đạp cho con được.

- c) Quyển truyện dày quá, 2 ngày không đọc xong được.

- d) Xe 4 chỗ không chở 6 người được.

11. Dùng **mà** (= nhưng), trả lời câu hỏi.

M : Chị ấy thích ăn bún à ? → Chị ấy không thích ăn bún **mà** thích ăn phở.

a) Chị ấy đi xem kịch à ?

.....

b) Cháu lấy cái mũ đỏ nhé ?

.....

c) Em thích ăn khoai tây rán không ?

.....

d) Nghỉ hè này cậu đi biển chứ ?

.....

12. Dùng **mà** (= để), đặt câu với từ ngữ đã cho.

M : nước cam / uống → Nước cam trong tủ lạnh, các em lấy **mà** uống.

a) đĩa DVD / xem

.....

b) quyển truyện này / đọc

.....

c) xe đạp / về

.....

d) thuốc ho này tốt / uống

.....

13. Dùng **ai cũng** thay cho từ ngữ in đậm để diễn đạt lại các ý sau :

a) Trong bữa ăn, nó nói nhiều quá, **mọi người** khó chịu.

.....

b) Cháu bé xinh quá, **cả nhà** yêu quý nó.

.....

c) Cuộc picnic hôm qua rất thú vị, **cả lớp** thích.

.....

d) Bão sắp về, **tất cả mọi người** lo lắng.

.....

14. Viết một đoạn văn kể về một người thân trong gia đình em.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh truyện sau :

CHUỖI NGỌC LAM



Chiều hôm ấy có một em gái nhỏ đứng bên tủ kính cửa hàng của Pierre, nhìn từng đồ vật như muốn (1) thứ gì. Bỗng em nhìn lên, hỏi :

– Cháu có thể (2) chuỗi ngọc lam này không ạ ?

Pierre lấy chuỗi ngọc, đưa cho cô bé. Cô bé (3) :

– Đẹp quá ! Xin chú gói lại cho cháu !

Pierre (4) :

– Ai bảo cháu đi mua ?

– Cháu mua (5) chị cháu nhân ngày Noel. Chị đã nuôi cháu từ khi mẹ cháu mất.

– Cháu có (6) tiền ?

Cô bé mở khăn tay ra, đổ lên bàn những đồng xu :

– Tất cả tiền để dành của cháu đấy ạ !

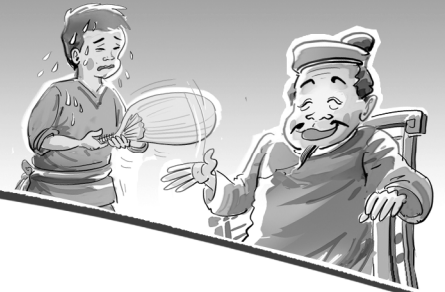
Pierre nhìn cô bé. Rồi vừa bỏ tờ giấy ghi (7) , anh vừa hỏi :

– Cháu tên gì ?

– Cháu là Joanne.

Anh đưa Joanne chuỗi ngọc (8) trong túi lụa đỏ :

– Cháu đừng làm rơi nhé !



Cô bé tươi cười, chạy đi. Cô không biết chuỗi ngọc này Pierre dành để tặng vợ chưa cưới, nhưng cô gái đã mất vì một (9) giao thông.

Ngày lễ Noel tới. Khách hàng ai cũng vui làm cho Pierre càng (10) Người khách cuối cùng bước ra. Nhưng cửa lại (11) , một cô gái bước vào. Cô lấy trong túi ra một chuỗi ngọc lam :

- Chuỗi ngọc này có phải của tiệm ông không ạ ?
- Phải.
- Thưa, có phải (12) thật không ?
- Không phải loại ngọc quý nhất, nhưng là ngọc thật.
- Ông có nhớ đã bán cho ai không ?
- Một cô bé tên là Joanne mua tặng chị của mình.
- Giá bao nhiêu ạ ?
- Tôi không khi nào nói giá tiền của quà tặng.
- Joanne chỉ có một ít tiền, làm sao em mua được chuỗi ngọc này ?

Pierre gói lại chuỗi ngọc và đáp :

- Em đã trả giá (13) Bằng tất cả số tiền em có.

Hai người đều im lặng. Tiếng chuông từ một nhà thờ gần đó bắt đầu đổ.

- Nhưng sao ông lại làm như vậy?

Pierre vừa đưa chuỗi ngọc cho cô gái vừa nói :

- Hôm nay là ngày Noel. Tôi không có ai để tặng quà. Cho phép tôi đưa cô về nhà và (14) cô một lễ Noel vui vẻ nhé !

Trong tiếng chuông, Pierre và cô gái (15) bước qua năm mới.

Theo FULTON HOURSLE

*ngọc, tìm, ngạc nhiên, tặng, xem, gói,
kêu lên, rất cao, bao nhiêu, chúc, giá tiền,
cùng nhau, tai nạn, mở, buồn*

2. Đọc lại truyện *Chuỗi ngọc lam*, trả lời câu hỏi :

a) Cô bé Joanne mua chuỗi ngọc lam để tặng ai ? Joanne có đủ tiền mua chuỗi ngọc không ? Chi tiết nào cho em biết điều đó ?

.....

.....

.....

b) Chị của Joanne tìm Pierre làm gì ?

.....
.....
.....

c) Vì sao Pierre nói cô bé đã trả giá rất cao để mua chuỗi ngọc ?

.....
.....

d) Em nghĩ gì về những nhân vật trong câu chuyện này ?

.....
.....
.....

3. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh truyện vui : *chủ nhà, khách, đi xe, đi bộ, dăm, cảm ơn, mời, xin lỗi, hỏi, mở mồm, sắp đến, cơm canh.*

TẠI CỤ KHÔNG HỎI

Cụ Ba được mời đi chơi. Cụ đem theo một thằng nhỏ. Thấy cụ đến, (1) vui mừng chạy ra, chào hỏi :

– Cụ đi từ nhà đến đây chắc là mệt lắm ? Rất (2) cụ.

Cụ Ba trả lời :

– Không có gì. Tôi (3) sang đây nên cũng không mệt đâu.

Thằng nhỏ thật thà nói :

– Ồ, cụ (4) với cháu đấy chứ ạ ? Cụ bảo đi xe tốn tiền mà.

Cụ Ba nghe nó nói, xấu hổ quá. Lúc về nhà, cụ mắng :

– Ai (5) mà mày nói ? Từ nay, nếu ta không hỏi mà (6) thì ta đánh cho một trận.

Thằng nhỏ biết mình có lỗi, vâng vâng dạ dạ.

Một hôm, nhà cụ Ba làm cơm mời (7) Mọi người đã đến gần đủ, chỉ thiếu một ông, chờ mãi chẳng thấy. Sợ khách phải chờ, cụ sai thằng nhỏ đến nhà ông đó (8) thêm một lần nữa. Nó đi một lúc sau trở về, im lặng đi xuống bếp.

Cụ Ba đợi mãi không thấy tin gì, tưởng thằng nhỏ chưa đi, mới gọi lên hỏi :

– Mày đã đi chưa ?

– Thưa cụ, con đi rồi ạ.

Cụ Ba nghĩ rằng ông kia (9) nên lại ngồi trò chuyện với khách để đợi. Một lúc lâu, (10) đã nguội, mọi người đã đói mà vẫn không thấy ông kia đến. Cụ Ba lại gọi thằng nhỏ lên hỏi :

– Mày đến mời, ông ấy bảo thế nào ?

– Dạ, ông ấy (11) vì bị ốm, không đến được ạ.

Cụ Ba tức giận :

– Tại sao không nói ngay để mọi người khỏi phải chờ ?

– Tại cụ không hỏi nên con không (12) nói.

TIỂU LÂM VIỆT NAM

4. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành câu : *hàng xóm, lớp, khách, xã, phố phường, bạn bè, chủ nhà.*

- a) Người đến chơi với gia đình thì gọi là.....
- b) Từ trái nghĩa với *khách* là
- c) Những gia đình sống gần nhà em gọi là
- d) Học sinh trong một trường được chia ra thành nhiều
- e) Các học sinh cùng lớp với em là.....
- g) Người ta thường nói Hà Nội có 36
- h) Một huyện gồm có nhiều

5. Dùng **không ... gì cả, chẳng ai ... cả, không ... đâu cả, chẳng ... gì cả** viết tiếp câu.

M : Món ăn này còn nguyên,

→ Món ăn này còn nguyên, **chẳng ai ăn cả.**

- a) Nó rất lười,
- b) Tết năm nay bố tớ bị ốm,
- c) Nó buồn lắm, từ sáng đến giờ
- d) Cuối tuần lớp đi cắm trại mà cậu ấy
- e) Món canh này rất chán,

6. Dùng **tự ... lấy**, diễn đạt lại các câu hoặc vẽ câu được in nghiêng :

a) Xe máy hỏng mà gần nhà không có tiệm sửa xe. *Anh tôi chữa xe của mình.*

b) Em tôi rất chịu khó. *Nó thường giặt quần áo của mình.*

c) Nhà có xe cắt cỏ nên *bố tôi thường tự mình cắt cỏ.*

d) *Anh ấy học đàn không có thầy* nhưng chơi đàn rất hay.

7. Dùng **vẫn** đặt câu theo mẫu.

M : đến muộn / đợi → Tôi đến muộn nhưng bạn tôi vẫn đợi.

a) quá 12 giờ đêm / xem ti vi

b) 10 giờ sáng / ngủ

c) uống thuốc hai ngày rồi / sốt

d) đã mang thêm 500 đô la / thiếu tiền

e) đã cố gắng hết sức / không làm được bài tập này

8. Dùng **nữa**, viết tiếp câu :

a) Em mượn sách của bạn mà không giữ cẩn thận. Chị sợ lần sau

b) Chúng em đợi nửa tiếng mà bạn ấy vẫn chưa đến nên chúng em bảo nhau

c) Tôi khuyên cậu ấy rồi mà cậu ấy không nghe. Tôi sẽ

d) Tôi đã tập suốt 2 tiếng rồi nhưng vẫn

9. Nối vế câu ở bên A thích hợp với vế câu ở bên B :

A

a) Có tự kiểm soát
b) Có nhìn tận mắt
c) Có chăm học
d) Có làm thử
e) Có ăn

B

1) thì mới thi đỗ
2) thì mới biết là khó
3) thì mới thấy là đẹp
4) thì mới biết là ngon
5) thì mới quý đồng tiền

10. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành câu :

a) Bài chính tả của bạn ấy mắc nhiều lỗi quá. Thầy giáo yêu cầu bạn ấy (lại viết, viết lại).

b) Sáng nay, bố đã uống cà phê rồi. Chiều, bố (lại uống, uống lại).

c) Hôm nay, cậu ấy (được lại, lại được) điểm 10.

d) Bộ phim hay quá. Tớ muốn (lại xem, xem lại).

e) A lô ! Cậu nói gì tớ nghe chưa rõ. Cậu (nói lại, lại nói) lần nữa được không ?

11. Điền **đây, đấy, chứ** vào chỗ thích hợp để hoàn thành bài hội thoại :

VUA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ CHÙA YÊN TỬ

Sơn : – Chủ nhật này, lớp con tổ chức đi thăm chùa Yên Tử (1), bố mẹ ạ.

Mẹ Sơn : – Chủ nhật là ngày rằm. Đông lạnh (2)

Sơn : – Đông mới vui (3) ạ.



Mẹ Sơn : – Nhưng con có biết chùa Yên Tử thờ những ai không ?

Sơn : – Chùa thì thờ Phật (4) ạ.

Mẹ Sơn : – Đúng rồi. Chùa thì thờ Phật. Đền thờ Thánh. Miếu thờ Thần. Nhà thờ thì thờ Chúa. Đình làng thờ Thành hoàng. Nhà thờ họ thờ tổ tiên, ông bà. Nhưng chùa còn có nhà tổ, thờ các vị sư tổ nữa.

Sơn : – Sư tổ là ai ạ ?

Mẹ Sơn : – Đó là các vị lập ra một môn phái tu hoặc lập ra chùa. Nhà tổ ở Yên Tử thờ ba vị lập ra môn phái Trúc Lâm Việt Nam là Vua Trần Nhân Tông, Hoà thượng Pháp Loa và Hòa thượng Huyền Quang.

Sơn : – Vua mà cũng đi tu ạ ?

Bố Sơn : – Đúng (5) Trần Nhân Tông làm vua 14 năm, lãnh đạo quân dân ta hai lần đánh thắng quân Nguyên vào các năm 1285, 1288.

Sơn : – Ba lần thắng quân Nguyên (6) ạ ?

Bố Sơn : – Con nhớ đúng (7) Nhưng lần đầu đánh thắng quân Nguyên là năm 1258. Lúc ấy, vua nước ta là Trần Thánh Tông, tức là vua cha của Trần Nhân Tông.

Sơn : – Trần Nhân Tông vừa làm vua vừa đi tu ạ ?

Bố Sơn : – Không. Năm 1299, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con rồi đến núi Yên Tử tu. Chính ở Yên Tử, Ngài đã lập ra môn phái Trúc Lâm Việt Nam.

Sơn : – Hay quá, bố nhỉ ? Nhưng con phải đi chuẩn bị đồ đạc (8)

Mẹ Sơn : – Con có mang giấy vải không (9) ?

Sơn : – Có (10) ạ. Chúng con định leo núi chứ không đi cáp treo.

Mẹ Sơn : – Mùa này trên núi lạnh (11) Con nhớ mang áo len.

Sơn : – Vâng ạ. Con mang rồi (12)

12. Dựa vào hội thoại trên, trả lời câu hỏi :

a) Chùa, đền, miếu, nhà thờ, đình, nhà thờ họ khác nhau thế nào ?

.....

.....

.....

b) Chùa Yên Tử thờ những ai ?

.....

.....

.....

c) Trần Nhân Tông có công lao gì khi làm vua ?

.....

.....

d) Trần Nhân Tông có công lao gì sau khi nhường ngôi cho con ?

.....

.....

13. Dùng **chứ**, viết lại những câu sau :

a) Con định đi đánh bóng bàn, không đi bơi.

.....

b) Em sẽ học piano, không học violon.

.....

c) Tôi định đi máy bay, không đi tàu hoả.

.....

d) Thể thao còn giúp người ta rèn luyện ý chí, không chỉ rèn luyện sức khỏe.

.....

d) Phim đó chỉ có nhiều cảnh đẹp thôi, nội dung không hay.

.....

14. Dùng **mới được**, viết lại những câu sau :

a) Kỳ thi này, tớ nhất định phải đạt điểm cao, chứ không chịu điểm thấp.

.....

b) Lần này, tớ phải chạy đủ 1 500 mét, chứ không ít hơn.

.....

c) Anh Quân bảo hè này phải học đua thuyền để giỏi như mấy anh bạn cùng lớp, chứ không chịu thua.

.....

d) Má tớ nói Tết này phải về Việt Nam thăm họ hàng, chứ không đợi đến sang năm.

.....

15. Hãy viết một đoạn văn kể về một sinh hoạt cộng đồng ở nơi em học tập, sinh sống (một buổi cắm trại, du lịch, thi đấu thể thao hoặc lễ hội,...).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

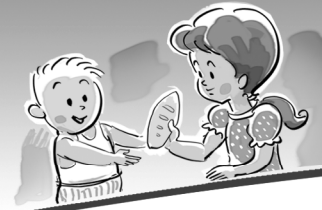
.....

.....

BÀI 3



Nông thôn



1. Xếp các từ ngữ vào bảng cho đúng.

mái đình

nhà tranh

siêu thị

ruộng bậc thang

công viên

cánh đồng

chợ

cao ốc

chùa

dòng sông

trường học

nhà văn hoá

sân vận động

vườn cây

ao cá

cổng làng

cầu khỉ

làng nghề

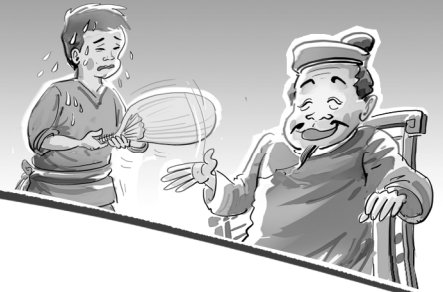
Sự vật chỉ có ở nông thôn	Sự vật chỉ có ở thành thị	Sự vật ở nông thôn, thành thị đều có
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

2. Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi :

BÁO VÀ ỐC SÊN

Một hôm, dạo chơi trong rừng, Báo gặp Ốc Sên đang bò trên mặt đất để đến hồ uống nước. Thấy vậy, Báo cười, bảo :

– Bò như cậu thì một năm nữa cũng chẳng tới được hồ nước đâu.



Nghe vậy, Ốc Sên nói :

– Tôi chậm thật nhưng cũng xin được thi chạy cùng anh xem ai nhanh hơn.

Báo ngạc nhiên quá nhưng cũng nhận lời cùng Ốc Sên thi chạy vào sáng hôm sau.

Tối ấy, Ốc Sên gọi tất cả anh em, bè bạn tới và xếp họ dọc đường đua.

Sáng hôm sau, Báo và Ốc Sên gặp nhau. Lệnh vừa vang lên, Báo đã cầm đầu chạy. Gần tới đích, nó quay đầu lại xem Ốc Sên đang ở đâu. Đúng lúc ấy, nó nghe thấy một giọng nhỏ nhẹ ngay dưới chân : “Tôi đây !” Thế là Báo ra sức chạy thật nhanh tới đích. Nhưng ở đích đã có một chú Ốc Sên đợi Báo. Nó bảo : “Anh Báo bây giờ mới đến à ?”

Theo TRUYỆN NGỤ NGÔN THẾ GIỚI

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Báo và Ốc Sên gặp nhau ở đâu ?

☐ Trong rừng

☐ Bên hồ nước

☐ Trên bãi cỏ

b) Báo chế nhạo Ốc Sên về điều gì ?

☐ Sự nhỏ bé.

☐ Sự chậm chạp.

☐ Sự dốt nát.

c) Báo và Ốc Sên thoả thuận điều gì ?

☐ Cùng chạy thi.

☐ Cùng uống nước.

☐ Cùng dạo chơi.

d) Ốc Sên đã làm gì để thắng Báo ?

☐ Cố chạy thật nhanh.

☐ Gọi các bạn đến cùng thi.

☐ Xếp anh em, bè bạn dọc đường đua.

e) Dòng nào sau đây nói đúng tính cách của Báo ?

☐ Không biết sức mình.

☐ Cậy khỏe, bắt nạt kẻ yếu.

☐ Kiêu căng, coi thường người khác.

3. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm **là**.

A

a) Cầu khỉ
b) Trái đất
c) Cổng làng
d) Ruộng bậc thang
e) Cánh cò và vầng trăng

B

1) hành tinh xanh của chúng ta
2) một hình ảnh thường gặp ở các làng quê vùng Bắc Bộ
3) loại ruộng lúa nằm trên các sườn đồi, sườn núi ở miền núi phía Bắc
4) biểu tượng của vẻ đẹp thanh bình của làng quê Việt Nam.
5) một phương tiện đi lại quen thuộc ở vùng sông nước Nam Bộ

4. Thêm vào những từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu có **thì ... thì ...**

- a) Ở Bắc Trung Bộ, mùa hè thì, mùa đông thì.....
- b) Công viên này ngày thường thì, ngày nghỉ thì
- c) Sân trường ban ngày thì, ban đêm thì
- d) Bầu trời lúc mưa thì, lúc nắng thì
- e) Không khí mùa hè buổi sáng thì....., buổi trưa thì.....
-

5. Đặt câu với các cặp từ **chỉ ... đã ...** , **mới ... đã ...** , **vừa ... đã ...** , **chưa ... đã ...**

- a) chỉ ... đã ... :
-
- b) mới ... đã ... :
-
- c) vừa ... đã ... :
-
- d) chưa ... đã ... :
-

6. Đặt câu với **vài, dăm, mấy, mỗi, chút**.

M : Quán nước chỉ bày **vài** lọ kẹo.

- a) dăm :
- b) mấy :

- c) mỗi :
- d) chút :

7. Chuyển đổi câu theo mẫu, sử dụng từ *được*.

M : Người dân quê thường đặt cổng làng ở nơi dễ nhận ra nhất.

→ Cổng làng thường **được** người dân quê đặt ở nơi dễ nhận ra nhất.

a) Người ta xây ngôi trường mới trên nền trường cũ.

.....

b) Công ti đã sửa chữa con tàu sau khi mắc cạn.

.....

c) Mẹ dẫn em đi chơi công viên vào kì nghỉ cuối tuần.

.....

d) Ông thị trưởng mời tôi đi thăm thành phố.

.....

e) Người đầu bếp giỏi nhất thành phố nấu món ăn này.

.....

8. Nhìn tranh, giới thiệu vài nét về làng nghề truyền thống trong mỗi tranh :



a) Làng nghề mây tre đan

.....

.....

.....

.....



b) Làng nghề đan nón

.....

.....

.....

.....



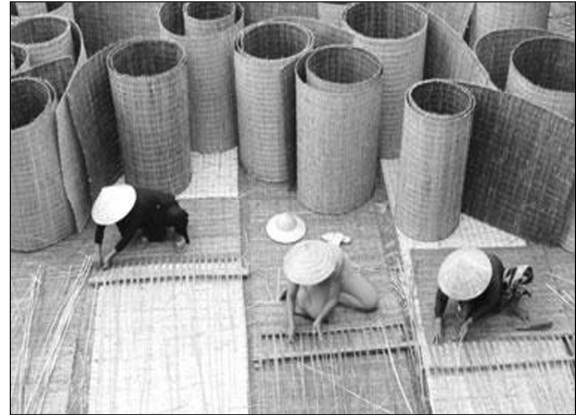
c) Làng nghề đúc đồng

.....

.....

.....

.....



d) Làng nghề dệt chiếu cói

.....

.....

.....

.....

9. Hoàn thành câu theo mẫu.

M : **Nếu** anh đến Sa Pa **thì** sẽ tha hồ ngắm ruộng bậc thang.

- a) Nếu bạn đọc cuốn sách này thì
- b) thì chúng ta sẽ cùng đi du lịch.
- c) Nếu em chưa học xong bài thì
- d) thì hãy nghe một bản nhạc.
- e) Nếu em chơi điện tử nhiều quá thì
- g) thì hãy đến nhà bác chơi nhé.

10. Đặt câu với từ đã cho theo mẫu.

M : Ngày mai **có lẽ** trời sẽ mưa !

- a) có thể :
- b) chắc chắn :
- c) có lẽ :
- d) chắc hẳn :

11. Hoàn thành câu theo mẫu.

M : Đó **không phải** là cỏ, **mà là** lúa.

- a) Đây không phải là chùa, mà là
- b) Đó không phải là ao, mà là

- c) Đó không phải là tranh sơn dầu, mà là
- d) Đó không phải là quan họ, mà là
- e) Đó không phải là sông Vàm Cỏ Đông, mà là

12. Xem tranh, ảnh, sử dụng các từ ngữ sau để nhận xét về mỗi hình ảnh : *ôi, ối, ồ, eo ôi, trời ơi, trời đất ơi, cha mẹ ơi.*



M : a) Ôi ! Con mèo, con chó này trông
xinh quá !

b)



c)

d)



e)
.....

g)
.....

13. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành truyện vui :
bếp lửa, hét , hấp tấp, vô cùng quan trọng, suy nghĩ

LÀM THEO LỜI CHA

Ông bố nọ có mấy đứa con nói năng rất (1) Một buổi tối mùa đông, sau bữa cơm, ông ngồi bên (2) và khuyên các con :

– Các con ạ, trước khi nói các con phải (3) kĩ . Hãy đếm đến 50 trước khi các con muốn nói một điều quan trọng và đếm đến 100 nếu các con định nói một điều (4)

Bọn trẻ mắt mở to nhìn ông, miệng mấp máy liên tục và bỗng nhiên chúng (5) lên :

– 99 ! 100 ! Bố ơi ! Chiếc áo khoác của bố đang cháy kìa !

TRUYỆN CƯỜI INTERNET

14. Hãy viết một bài văn ngắn tả một cảnh đẹp ở vùng nông thôn của nước em sinh sống.

Gợi ý : Đó là cảnh gì (cánh đồng, cánh rừng, dòng sông, vườn cây, đàn gia súc...), ở vùng nào ? Cảnh đó có gì đẹp, có gì đặc biệt, gây ấn tượng ? Cảm xúc của em với cảnh được miêu tả.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



BÀI 4



Đô thị



1. Xem ảnh. Viết một vài câu giới thiệu cảnh đẹp của đô thị Việt Nam qua một tấm ảnh.



Sông Hương, chùa Thiên Mụ – Huế



Phố cổ Hà Nội



Hải Phòng – thành phố hoa phượng đỏ



Sông Hàn – thành phố Đà Nẵng

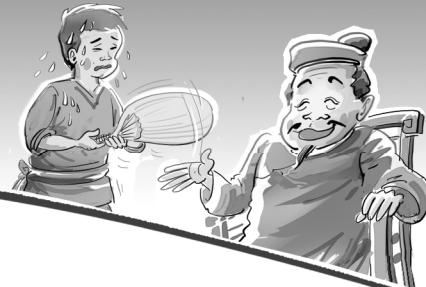
.....

.....

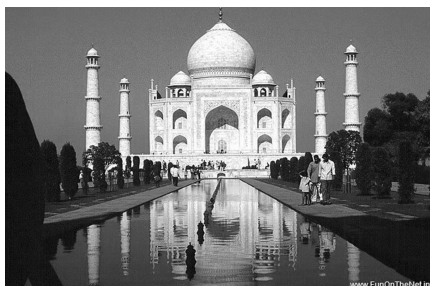
.....

.....

.....



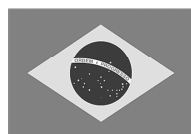
2. Viết tên thủ đô (thành phố), tên nước bên mỗi tên địa danh :



M (a – 5) : Đền Taj Mahal
(Agra, Ấn Độ)



Cờ Anh



Cờ Brasil



b) Cung điện Buckingham
(.....)



c) That Luang
(Vientiane,.....)



Cờ Pháp



Cờ Nga



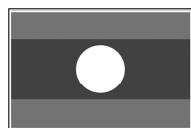
d) Pháo đài Machu Picchu
(.....)



e) Bảo tàng Metropolitan
(.....)



Cờ Ấn Độ



Cờ Lào



g) Bảo tàng Hermitage
(.....)



h) Khải hoàn môn Paris
(.....)



Cờ Mĩ



Cờ Peru



i) Tượng Chúa Giêsu
(Rio de Janeiro,.....)

3. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm **như** :

A		B
a) Dòng sông b) Mặt Hồ Gươm sáng trong c) Tiếng hát của cô gái trong vắt d) Ban đêm những ánh đèn sáng e) Giờ ra chơi, tất cả học sinh chạy ra sân trường	như	1) ong vỗ tổ 2) sao trên trời 3) tiếng chim hoạ mi 4) một tấm gương khổng lồ 5) dải lụa mềm uốn quanh thành phố

4. Trong những cách nói sau đây, cách nói nào không phù hợp ?

- ☐ a) Mình cứ ngỡ bạn sinh viên này là người Nhật Bản, hoá ra bạn ấy là người Việt Nam.
- ☐ b) Mình cứ ngỡ là đã quen với cuộc sống nơi đây, hoá ra là đã quen thật.
- ☐ c) Tôi cứ ngỡ hôm nay là thứ sáu, hoá ra là thứ năm.
- ☐ d) Tôi cứ ngỡ đó là tiếng piano, hoá ra đó là tiếng đàn t'rưng.
- ☐ e) Mình cứ ngỡ là Hiền sẽ không đến, hoá ra Hiền không đến thật.

5. Hoàn thành câu theo mẫu.

M : Xa quê hương, tôi nhớ **cả** tiếng rao hàng mỗi sớm.

- a) Mỗi khi nhớ về làng quê, tôi nhớ cả
- b) Đứng trên đỉnh núi cao, tôi thấy cả.....
- c) Khi rồi, tôi đọc cả.....
- d) Tôi yêu trường tôi, yêu cả.....
- e) Tôi hiểu cả.....

6. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm **miễn là** :

A		B
a) Vụ lúa này sẽ bội thu b) Trang sẽ nhanh khỏi ốm c) Thành phố sẽ ngày càng tươi đẹp d) Chim chóc sẽ lại trở về thành phố e) Chúng ta có thể làm được tất cả mọi việc	miễn là	1) thời tiết không quá xấu 2) đoàn kết, gắn bó với nhau 3) con người không săn bắn chúng 4) chịu xông hơi giải cảm và uống thuốc 5) mọi người cùng nhau chăm sóc, giữ gìn

7. Điền các từ **đã, sẽ, sắp, đang** vào chỗ trống thích hợp :

Bầu trời (1) xanh trong thì mây đen bỗng ùn ùn kéo đến. (2)
mưa rồi. Tạnh mưa, tôi (3) về nhà. Nhưng mùa này, mưa thường kéo dài.
Sốt ruột quá. Cuối tuần trước, nếu không bận việc, tôi (4) về thăm mẹ
rồi. Chắc hôm nay thấy tôi về, mẹ (5) mừng lắm. Mẹ (6) đun
nước lá bưởi cho tôi gội đầu. Bữa cơm, mẹ (7) ngồi nhìn tôi ăn ngon lành
và hỏi : “Bao giờ cô mới chịu lấy chồng đây ?” Câu hỏi ấy, mẹ (8) hỏi tôi bao
nhiều lần rồi. Và tôi (9) trả lời : “Mẹ ơi, con còn trẻ. Con còn muốn bay
nhảy”. Mẹ (10) mắng tôi : “Cẩn thận kéo ế chồng đấy ! Rồi lúc già sống
một mình.” “Mẹ có con mà cũng (11) sống một mình đấy thôi.” – Tôi nói
đùa mà nước mắt trào ra. Mẹ ơi, thương mẹ quá !

T.B

8. Thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành các câu sau :

- a) bao nhiêu cũng là chưa đủ.
- b) bao nhiêu cũng không làm anh ấy thay đổi ý định.
- c) bao nhiêu cũng không làm cô ấy hiểu ra.
- d) bao nhiêu cũng không nên coi thường người khác.
- e) bao lâu cũng không quên được quê hương.

9. Hoàn thành các câu sau :

- a) Sân trường em chưa có nhiều cây xanh. Ước gì
- b) Thành phố em vẫn còn ít công viên. Ước gì
- c) Công viên này trước đây có rất nhiều chim bay đến, giờ chỉ còn những tổ chim
trống không. Ước gì
- d) Cây cầu này xây mãi vẫn chưa xong. Ước gì
- e) Trường tôi tổ chức cuộc thi vẽ tranh mà tôi lại vẽ không đẹp. Ước gì

10. Chuyển đổi câu theo mẫu.

M : Mùa xuân, vườn cây đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy.

→ **Cứ** mùa xuân **là** vườn cây **lại** đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy.

- a) Thứ hai, lớp tôi có giờ vẽ tự do.

- b) Tan học, sân trường ồn ào, náo nhiệt.

c) Tan tâm, đường phố bị kẹt xe.

d) Năm phút có chuyến máy bay cất cánh.

11. Điền vào chỗ trống các từ **có thể, chỉ, phải** để hoàn thành truyện vui sau :

BAO NHIÊU TIỀN ?

Một chiếc taxi dừng lại trước cửa một khách sạn. Vị khách ngồi trên xe hỏi người lái taxi :

– Tôi (1) trả anh bao nhiêu tiền ?

– Thưa ông, 35 000 đồng ạ !

Vị khách kêu lên :

– Anh (2) cho xe lùi lại một quãng đường được không ? Tôi (3) có 30 000 đồng thôi .

Theo TRUYỆN CƯỜI ĐÓ ĐÂY

12. Viết tiếp để hoàn thành câu :

a) Đội tuyển robot của trường ta đoạt giải là nhờ

b) Đường phố bị ngập nước là bởi

c) Hôm qua em bị cảm lạnh là vì

d) Xe máy không khởi động được là do

13. Hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu một trong những đô thị sau :



a) London (thủ đô Anh)



b) Bảo tàng Louvre (Paris, thủ đô Pháp)



c) Amsterdam (thủ đô Hà Lan)



d) Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

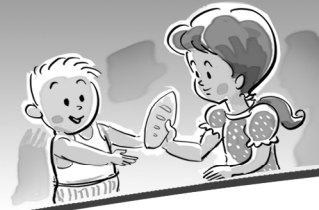
.....

.....

.....

.....

.....



1. Đọc tin sau :

SÁCH ĐỎ VIỆT NAM

Sách đỏ là sách về các loài động vật, thực vật đang bị giảm số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng. Người ta biên soạn sách đỏ để toàn xã hội nâng cao ý thức và tìm biện pháp hữu hiệu bảo vệ các loài động vật, thực vật quý hiếm, bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

Lần đầu, *Sách đỏ Việt Nam* phần về động vật được xuất bản năm 1992 với danh sách 365 loài, phần về thực vật được xuất bản năm 1996 với 356 loài.

Năm 2004, *Sách đỏ Việt Nam* lại được công bố, cho thấy kết quả xấu đi :

– 857 loài động vật hoang dã và 450 loài thực vật quý hiếm bị đe dọa.

– Riêng về phần động vật :

+ Nếu năm 1992, mức độ bị đe dọa cao nhất chỉ là nguy cấp, thì năm 2004 đã có 6 loài bị coi là tuyệt chủng.

+ Nếu năm 1992, số loài ở mức nguy cấp là 71, thì năm 2004, số loài ở mức nguy cấp là 149. Trong đó có 46 loài ở mức rất nguy cấp.

Theo WIKIPEDIA

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Trong *Sách đỏ Việt Nam* năm 1992 có tên bao nhiêu loài động vật ?

☐ 356 loài

☐ 365 loài

☐ 563 loài

b) Trong *Sách đỏ Việt Nam* năm 1996 có tên bao nhiêu loài thực vật ?

☐ 356 loài

☐ 365 loài

☐ 563 loài

c) Trong *Sách đỏ Việt Nam* năm 2004 :

c1. Có tên bao nhiêu loài động, thực vật ?

☐ 450 loài động vật, 857 loài thực vật

☐ 785 loài động vật, 540 loài thực vật

☐ 857 loài động vật, 450 loài thực vật

c2. Có tên bao nhiêu loài động vật bị coi là đã tuyệt chủng ?

☐ 6 loài

☐ 46 loài

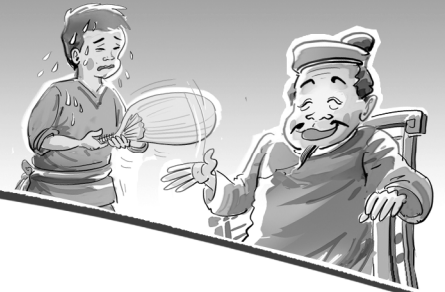
☐ 71 loài

c3. Số loài bị xếp ở mức *rất nguy cấp* là bao nhiêu ?

☐ 46 loài

☐ 71 loài

☐ 149 loài



2. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên một loài động vật : dê, sói, cừu, cá heo xanh, rùa, quạ, khỉ, dơi, bướm, cua biển, chim kền kền, gấu trúc.



a).....



b).....



c).....



d).....



e).....



g).....



h).....



i) khỉ



k).....
ở Mỹ chỉ còn 70 con.



l).....
Trung Quốc còn khoảng
700 con.



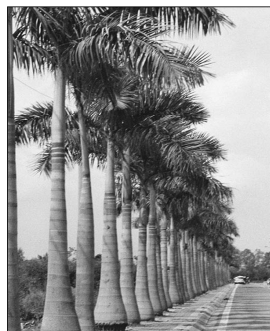
m).....
Nam Cực chỉ còn
500 con.

(Chữ cái in đậm trước loài động vật cho biết đó là động vật quý hiếm trên thế giới).

3. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên một loài cây.



a).....



b).....



c).....



d).....



e).....



g) cây trầm



h) cây trắc



i).....-nia



k).....



l).....



m).....



n) cây hoa phong lan

(Chữ cái in đậm trước loài thực vật cho biết đó là thực vật quý hiếm ở Việt Nam).

4. Sắp xếp lại thứ tự các câu văn sau bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu để tạo thành mẩu chuyện hoàn chỉnh :

CON ẾCH VÀ ÔNG TRỜI



☒ 1 Mùa xuân, một con ếch sống ở đáy ao rồi nhà đến một vũng nước bên ngọn núi nhỏ.

☐ Nhưng đến mùa hè nóng nực, nhà mới của ếch vừa nóng vừa khô.

☐ Lúc đầu nó cảm thấy rất dễ chịu khi sống ở nhà mới.

☐ Lúc đó ếch mới nhận ra mình thật vô lí khi tự gây ra khó khăn cho mình rồi yêu cầu người khác phải giúp đỡ.

☐ Ếch mệt quá, nó kêu với Ông Trời : “Xin ông cho nước dâng lên cao để nhà mới của con có nước mát !”

☐ Ếch phàn nàn : “Nhưng con sắp chết khô rồi !”

☐ Ông Trời bảo : “Ta dâng nước lên thì nhiều người sẽ bị ngập nước.”

☐ Ông Trời trả lời : “Thế thì hãy chuyển về ao mà ở !”

5. Điền từ ngữ thích hợp (*reo lên, bất cứ ai, cảm ơn, ngon, độc, đau bụng, biếu, hàng xóm, hái*) vào chỗ trống để hoàn chỉnh truyện vui sau :

NẤM KHÔNG ĐỘC

Một giáo sư thực vật rất thích vào rừng (1) nấm. Ông thường mang về rất nhiều

loại nấm và đem biếu (2)..... xung quanh. Một hôm, ông hỏi bà hàng xóm :

– Bà có thích thứ nấm mà ba hôm trước tôi (3) bà không ?

Bà hàng xóm cảm động nói :

– (4)..... ông đã cho chúng tôi một thứ nấm tuyệt vời. Gia đình tôi chưa bao giờ được ăn thứ nấm nào (5)..... như thế.

Vị giáo sư có vẻ mừng nhưng vẫn hỏi :

– Thế thứ nấm đó không làm cho (6)..... trong gia đình bà bị khó chịu, hay bị (7)..... chứ ?

– Thứ nấm bác cho chúng tôi là thứ nấm ngon và lành nhất đấy ạ.

Lúc ấy, vị giáo sư mới (8)..... :

– Hay quá ! Thế là tôi đã tìm ra một loại nấm mới không (9)..... rồi !

Theo TRUYỆN VUI VÀ THƯ GIÃN BỐN PHƯƠNG



6. Điền mỗi từ ngữ (*nộp, liên quan, phạt, công cộng, độc hại, cao nhất, môi trường*) vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh bản tin sau :

Singapore hiện có 4 đạo luật (1) đến môi trường : Luật về môi trường và sức khỏe cộng đồng, Luật về kiểm soát ô nhiễm (2) , Luật về hệ thống thoát nước, Luật về xuất nhập khẩu chất thải (3) Các đạo luật có một số quy định như sau :

– Bị phạt 10 000 USD nếu đổ rác nơi (4) lần đầu. Nếu tái phạm sẽ bị (5) tới 20 000 USD.

– Nếu gây tiếng ồn vượt quá quy định thì bị phạt mức (6) là 2000 USD. Nếu tái phạm phải (7) 100 USD cho mỗi ngày tái phạm tiếp theo.

– Đưa chất thải hoặc các chất (8) vào nguồn nước ngầm có thể bị phạt tù 12 tháng.

Theo NGỌC ÁNH

7. Đặt câu có cụm từ **một trong những**.

M : biện pháp ngăn sự nóng lên của trái đất / giảm khí thải công nghiệp

→ **Một trong những** biện pháp ngăn sự nóng lên của trái đất là giảm khí thải công nghiệp.

→ Giảm khí thải công nghiệp là **một trong những** biện pháp ngăn sự nóng lên của trái đất.

a) con sông lớn nhất thế giới / sông Mê Kông

.....

b) biện pháp ứng phó của người dân đồng bằng sông Cửu Long / sống chung với lũ

.....

c) biện pháp tăng năng suất lúa / phát triển thuỷ lợi

d) nguyên nhân khiến thiệt hại do bão gây ra ở thị trấn này rất nặng / người dân không chuẩn bị để phòng bão.

e) phụ nữ giàu lòng nhân ái ở “mái ấm” Lam Hồng / mẹ Thanh

g) trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già không nơi nương tựa / Trung tâm Bông Sen

8. Sử dụng từ **trừ**, đặt câu với từ ngữ đã cho theo mẫu.

M : Hải Yến bị ốm phải nằm viện / sáng chủ nhật này đều tham gia gom rác trên bãi biển / cả lớp tôi

→ **Trừ** Hải Yến bị ốm phải nằm viện, cả lớp tôi sáng chủ nhật này đều tham gia gom rác trên bãi biển.

a) sông Hồng là con sông lớn chảy qua Hà Nội / các sông khác (Kim Ngưu, Tô Lịch, sông Nhuệ) / đều bị ô nhiễm nặng

b) con đường đất vào làng tôi gồ ghề và nhỏ hẹp / đều rộng rãi, sạch đẹp vì đã được trải nhựa / các đường giao thông ở huyện này

c) gia đình bác Cả có hai con trai / đều sinh hai con gái / gia đình của chú Ba, chú Tư và thím Năm

d) chuối và ổi / Thu đều thích / tất cả các hoa quả khác

9. Điền vào chỗ trống từ thích hợp : **trừ** hoặc **bất kể**.

a) Mọi người đều bảo năm nay thời tiết ấm, nóng, có thể vì trái đất đang ấm lên. Chỉ ông tôi, giữa mùa hè ông vẫn kêu lạnh vì ông bị ốm và rất yếu.

b) Hồng Anh là một kiến trúc sư tài năng. công trình nào của anh

cũng mang phong cách của riêng anh và có vẻ đẹp hài hoà với môi trường xung quanh.

c) Một số người dân phố tôi chưa có thói quen giữ vệ sinh nơi công cộng. Chỉ (1) nhà riêng của mình, (2) chỗ nào họ cũng có thể vứt rác.

d) Lý rất yêu các loài hoa. (1) loài hoa nào, Lý cũng thích, chỉ (2) hoa hồng Lý sợ vì hoa hồng có nhiều gai.

10. Viết tiếp để hoàn thành câu :

a) Với một mảnh vườn nhỏ,

.....

b) Với mong muốn giữ sạch đẹp xóm làng,

.....

c) Với 11 giải thưởng tại cuộc thi "Chúng em bảo vệ môi trường",

.....

d) Với những thông tin cụ thể, cập nhật về các loài động vật và thực vật bị giảm số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng,

.....

.....

11. Viết tiếp để hoàn thành câu :

a) La Nina là hiện tượng thời tiết bất thường khiến

.....

b) Mưa nhiều ngày cùng với nước lũ từ trên rừng đổ về khiến

.....

c) Cuộc sống trong môi trường ô nhiễm khiến

.....

d) Leo núi mấy tiếng đồng hồ dưới trời nắng khiến

.....

e) Ba cậu con trai vừa hư vừa lười, chẳng chịu làm, chẳng chịu học khiến

.....

12. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm :

a) Giá gạo trong thành phố bỗng đắt lên **vì nhiều người dân mua gạo dự trữ để phòng lũ lụt.**

.....

b) **Do phơi nắng ngoài đồng cả ngày,** Thuý An bị cảm nặng, phải nghỉ học suốt tuần.

.....

.....

c) Mấy ngày này, người dân ở khắp miền đất nước đổ về Sa Pa **vì muốn thấy cảnh tuyết rơi ở Sa Pa.**

d) **Nhờ công nhân vệ sinh ngày ngày gom rác**, dòng suối Yến vẫn giữ được vẻ đẹp suốt mùa lễ hội chùa Hương.

e) **Nhờ có sự chuẩn bị, để phòng trước khi cơn bão đến**, người dân ở thành phố Vinh (Nghệ An) không bị thiệt hại nhiều do bão.

13. Đặt câu có cặp từ **càng ... càng ...**

M : tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá ...

→ Tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá **càng** tăng, rác thải **càng** nhiều.

a) con người chặt cây, phá rừng ...

b) nước thải công nghiệp chảy nhiều ra sông ...

c) bà mẹ yêu thương, chăm sóc các con ...

d) hàng hoá của nhà máy bán được nhiều ...

14. Tìm những chữ viết sai chính tả trong bài dưới đây, sửa lại cho đúng. Biết rằng mỗi đoạn có 4 chữ viết sai.

NÚI VÀ LỊCH SỬ

1) Núi đã làm thay đổi lịch sử của con người suốt nhiều thế kỉ. Những ngọn núi cao, những dãy núi lớn luôn ngăn đường đi của con người. Ở Mỹ, dãy Appalaches đã ngăn người dân đi về phía Tây. Đến những năm 60 của thế kỉ XX, những dãy núi cao bao bọc cao nguyên Tây Tạng (Tibet) vẫn làm con người không thể đến đó.

2) Núi cao ngăn việc đi lại nhưng nó cũng bảo vệ những dân tộc ở nơi đó khỏi các cuộc xâm lăng. Nhờ dãy núi Alpes, người La Mã cổ bảo vệ được bên giới phía Bắc.

Cũng nhờ dãy Alpes, người Thụy Sĩ giữ được sự trung lập trong hai cuộc chiến tranh thế giới.

3) Núi ảnh hưởng đến khí hậu. Những dãy núi cao ảnh hưởng đến sự chuyển động của gió, làm cho không khí mát bị giữ lại ở bên này và không khí nóng ở bên kia. Núi cao vùng ven biển cũng làm cho không khí ẩm không vào bờ được, đất bị khô hạn. Các sa mạc phía đông California và Nevada cũng do dãy núi Sierra Nevada tạo thành.

4) Núi cũng là nơi có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên như sức nước, gỗ, khoáng sản. Sức nước chảy từ trên núi xuống là nguồn lực cho nhiều mái móc, sức nước được dùng để làm ra điện...



Dãy núi Alpes



Dãy núi Appalaches (Appalachian)

15. Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn theo một trong hai đề sau :

a) Về một việc làm của em hoặc của một người mà em biết để bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Về hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu và những hành động cấp bách của con người trên trái đất để ứng phó với biến đổi khí hậu.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

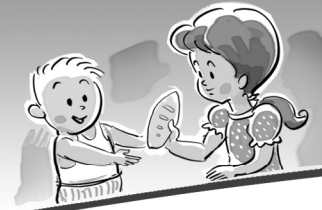
.....

.....

BÀI 6



phong tục



1. Những câu dưới đây đúng hay sai ? Nếu sai, sửa lại cho đúng.

ĐÚNG

SAI

a) *Trẻ cậy cha già cậy con* có nghĩa là người già luôn chăm sóc trẻ con.

☐
☐

b) *Kính lão đắc thọ* có nghĩa là : kính trọng người già sẽ được sống lâu.

☐
☐

c) *Nhập gia tùy tục* có nghĩa là : đến nhà nào thì phải theo tục lệ của nhà đó.

☐
☐

d) *Yến lão* có nghĩa là bữa tiệc do người già nấu.

☐
☐

e) *Kính già già để tuổi cho* có ý nghĩa giống với *kính lão đắc thọ*.

☐
☐

2. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ gần nghĩa ở cột B :

A

a) người già
b) rắc rối
c) cơ hội
d) bữa tiệc
e) hàng xóm

B

1) bữa liên hoan
2) người cao tuổi
3) láng giềng
4) dịp
5) phức tạp

3. Tìm từ trái nghĩa với các từ dưới đây :

M : a) tương tự	≠	khác biệt
b) kính trọng	≠	
c) vui mừng	≠	
d) phức tạp	≠	
e) thường (thường xuyên)	≠	

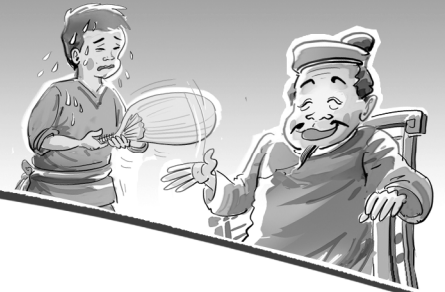
4. Điền mỗi từ sau vào chỗ trống thích hợp : *dịp, hiếu thảo, lúng túng, nghĩa vụ, thậm chí, thói quen*.

a) Con cháu có chăm sóc ông bà, cha mẹ.

b) Lần đầu tiên ăn bít tết bằng dao và dĩa, tôi cảm thấy quá.

c) Lễ yến lão là để các cụ cao tuổi trong làng gặp nhau nói chuyện.

d) Trên bàn đầy món ăn ngon, có những món tôi chưa nhìn thấy bao giờ.



e) Những người con, người cháu với cha mẹ, ông bà mới được xã hội coi trọng.

g) Đã thành một từ nhiều năm nay, cứ chủ nhật là cả nhà tôi về thăm ông bà nội.

5. Đọc bài sau :

BỮA CƠM GIA ĐÌNH VIỆT NAM



Bữa cơm gia đình mới nhìn thì đơn giản, nhưng được nấu với nhiều loại thức ăn, nhiều gia vị, rất ngon. Chính vì vậy mà khi ăn cơm ở nhà, người ta cảm thấy dễ chịu, chứ không nặng bụng như khi đi ăn tiệc.

Bữa cơm gồm ít nhất 3 món : món thứ nhất là món mặn như thịt kho, cá kho, hoặc món rán như cá rán, đậu rán. Món thứ hai là món xào hay luộc, thường là các loại rau, củ, quả xào với thịt hoặc cá hoặc rau xào, rau luộc. Món thứ ba là món canh, có thể là nước rau luộc, canh rau, canh thịt, canh cá hay canh thập cẩm (canh có cả cá, thịt lẫn rau và một số gia vị khác). Trên thế giới có lẽ chỉ riêng người Việt Nam có cách ăn canh chan vào cơm. Trời càng nóng, người ta càng thích ăn canh. Người miền Nam thích ăn canh chua cá lóc, còn người miền Bắc lại thích ăn canh cua. Bữa cơm cũng không thể thiếu nước chấm (nước mắm, tương, xì dầu,...) và dưa cà muối.

Các món ăn thường được bày vào mâm hoặc bày lên bàn để ăn chung, không chia thành suất cho từng người. Khi mời khách ăn cơm, mặc dù mâm cơm đầy những món ăn ngon lành, người ta vẫn nói khiêm tốn: “Mời bác ăn cơm rau với gia đình.”

Đối với nhiều người Việt Nam, bữa cơm chiều là thời gian ấm cúng nhất trong ngày vì đó là lúc cả nhà sum họp đông đủ. Mọi người mời nhau ăn, gắp cho nhau những miếng ngon, cười nói vui vẻ. Ăn uống cũng là phong tục, là văn hoá.

Dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

- ☐ Ăn cơm ở gia đình không nặng bụng như đi ăn tiệc.
- ☐ Bữa cơm gia đình Việt Nam thường có hai món chính.
- ☐ Các thức ăn chính thường là cá, thịt, rau, đậu.
- ☐ Trời càng lạnh, người ta càng thích ăn canh.
- ☐ Nước chấm và dưa cà muối thường là thứ không thiếu trong bữa cơm.

6. Dựa vào bài đọc, giải thích ý nghĩa của các từ ngữ sau :

a) Nước chấm :

.....

b) Chan :

c) Nặng bụng :

.....

d) Canh thập cẩm :

.....

7. Dựa vào bài đọc, trả lời câu hỏi :

a) Vì sao khi ăn cơm ở gia đình, người ta cảm thấy dễ chịu ?

.....

.....

b) Vì sao khi mời khách ăn cơm, người Việt thường gọi bữa cơm là “cơm rau” ?

.....

.....

c) Thói quen ăn canh của người Việt Nam có gì đặc biệt ?

.....

.....

d) Vì sao bữa cơm chiều là thời gian ấm cúng nhất trong ngày ?

.....

.....

8. Viết tiếp các câu sau theo mẫu.

M : Càng nhiều muối, món ăn càng **mặn**.

a) Càng ít muối, món ăn càng

b) Càng nhiều đường, món ăn càng

c) Càng nhiều dấm, món ăn càng

d) Càng nhiều ớt, nước chấm càng

e) Càng có nhiều dầu hoặc bơ, món ăn càng

g) Mùa đông ăn thức ăn càng nóng càng

9. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên món ăn và thực phẩm :



a).....



b).....



c).....



d).....



e).....



g).....



h).....



i).....



k).....



l).....



m).....



n).....



o).....



p).....



q).....

10. Dùng **cả ... lẫn ...** , đặt câu nói về các món ăn hoặc thực phẩm ở bài tập 9.

M : a) Bữa tối nay có cả cua hấp lẫn tôm rán.

- b)
- c)
- d)
- e)
- g)
- h)
- i)

11. Dùng **cứ ... là ...** để nói về các món ăn đặc sản của các vùng :



a) Bún cá Nha Trang



b) Phở Hà Nội

M :

Cứ đến Nha Trang **là** phải ăn bún cá.

.....



c) Canh chua cá lóc Nam Bộ



d) Cao lầu Hội An



e) Mì Quảng Đà Nẵng



g) Bánh đa cua Hải Phòng



h) Gà đen Sa Pa



i) Bún bò Huế

12. Dùng **giá ... thì ...** để nói về mong muốn.

M : Phương mong ước đi du lịch Sa Pa để được ăn thịt gà đen, được đến thăm làng người H'Mông và mua vải thổ cẩm.

→ **Giá** Phương được đi Sa Pa **thì** Phương sẽ ăn thịt gà đen, đến thăm làng người H'Mông và mua vải thổ cẩm.

a) Sơn mong ước đi Nha Trang để tắm biển, ăn bún cá và đi chơi ở Vinpearland.

b) Hùng mong ước được đi Đà Nẵng để ngắm sông Hàn, thăm biển Mỹ Khê và ngắm những ngôi nhà cổ ở Hội An.

.....
.....
c) John mong ước được đến Hà Nội để xem hồ Hoàn Kiếm, thăm làng gốm Bát Tràng và ăn phở.
.....
.....

d) Mai mong ước được đi Huế để ngắm sông Hương, núi Ngự, thăm các di tích lịch sử và ăn bún bò, cơm hến, bánh xèo.
.....
.....

e) Chị Loan mong ước được đi Nam Bộ để đi xuống trên sông Cửu Long, ăn trái cây và ăn canh chua cá lóc.
.....
.....

13. Dùng *làm sao (mà)* ... để nói về các tình huống.

M : Ngày mai gia đình Thuý làm lễ thượng thọ cho bà nội ở quê. Thuý phải thi học kì nên không thể về quê được.

→ Thuý phải thi học kì, **làm sao** về quê dự lễ thượng thọ của bà nội được !

a) Phương muốn mua vé tàu đi Sa Pa vào cuối tuần nhưng đã hết vé.
.....
.....

b) Chị Loan đã có kế hoạch đi du lịch Nam Bộ vào tuần sau, nhưng bây giờ chị bị ốm, phải nằm viện một tháng.
.....
.....

c) Mai muốn ăn bún bò Huế. Mai đến nhà hàng Huế, nhưng rất tiếc là nhà hàng đã đóng cửa.
.....
.....

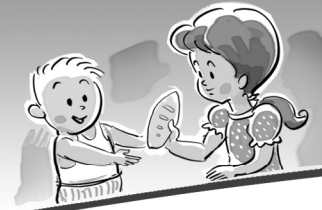
d) Quân đến Nha Trang, định đi Vinpearland vì nghe nói đảo này rất đẹp, nhưng hôm đó lại có bão nên không ai được đi Vinpearland.
.....
.....

14. Viết một bài văn ngắn về thói quen ăn uống trong gia đình em.
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

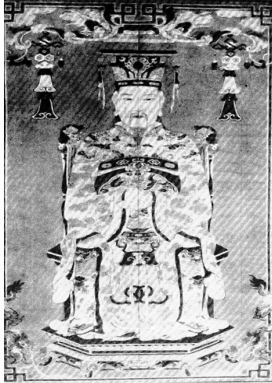
BÀI 7



Lịch sử



1. Viết những điều em biết về một trong các nhân vật lịch sử sau :



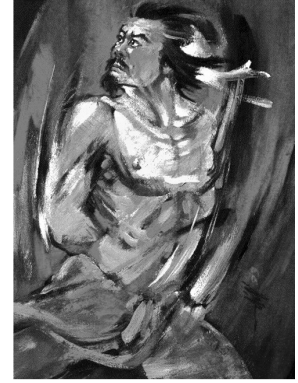
Lý Thái Tông
(1000 – 1054)



Tô Hiến Thành
(? – 1179)



Cao Bá Quát
(1808 – 1855)



Trần Bình Trọng
(1259 - 1285)



Hồ Xuân Hương
(cuối XVIII – đầu XIX)



Hoàng Hoa Thám
(1858 – 1913)



Phan Bội Châu
(1867 – 1940)

.....

.....

.....

.....

.....

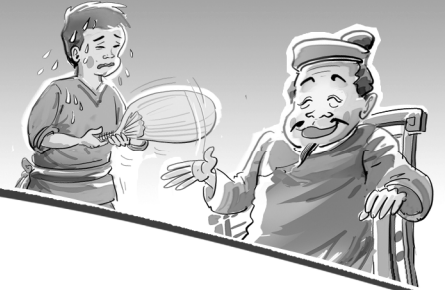
.....

.....

.....

.....

.....



2. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên di vật, di tích, địa danh lịch sử : Đền Hùng, Đền Đô, mũ tên đồng Cổ Loa, chùa Đồng (Yên Tử), Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, đền Quán Thánh (Trần Vũ quán, Hà Nội).



a)



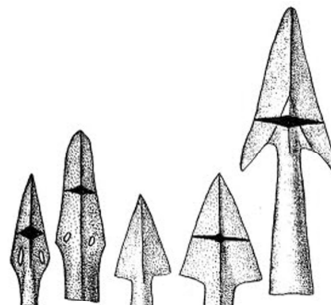
b)



c)



d)



e)



g)

Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu một di vật, di tích hoặc địa danh lịch sử.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Sắp xếp lại các câu sau bằng cách đánh số thứ tự vào mỗi ☐ để hoàn thành hội thoại :

☐ – Đúng rồi. Đó là vua Lê Lợi, người đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành độc lập cho đất nước.

☐ – Hình như mình đã nghe rồi. Câu chuyện có liên quan đến một vị vua, đúng không ?

☐ – Hồ Gươm vì vậy luôn là một địa danh nổi tiếng đối với mỗi người dân Việt Nam.

☐ – Nhưng khi đất nước hòa bình, trong một lần dạo chơi trên hồ, vua đã trả lại gươm thần cho Rùa Vàng.

☒ 1 – Bạn đã được nghe câu chuyện về sự tích Hồ Gươm chưa ?

☐ – Mình nhớ rồi. Vua Lê Lợi nhờ có thanh gươm thần nên đã chiến thắng giặc ngoại xâm.

4. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh bài văn : *chiến thắng, mạnh, chỉ huy, chiếm lại, chữa, đánh nhau, quê, dẫn theo, hành hình, qua đời*

ĐÔ ĐỐC BÙI THỊ XUÂN



Bùi Thị Xuân (1) ở làng Phú Xuân, xã Bình Phú, huyện Bình Khê, nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Bà là cháu thái sư Bùi Đắc Tuyên, là vợ danh tướng Trần Quang Diệu.

Bùi Thị Xuân xinh đẹp, từ nhỏ đã giỏi võ nghệ. Chuyện kể rằng : Bùi Thị Xuân gặp Trần Quang Diệu khi Trần Quang Diệu đang (2) với một con hổ dữ. Bùi Thị Xuân rút kiếm xông vào đánh giúp. Sau đó đưa Trần Quang Diệu về nhà (3) vết thương, rồi hai người nên nghĩa vợ chồng.

Sau, hai người cùng về dưới cờ Tây Sơn, trở thành những tướng lĩnh tài giỏi, góp công lớn trong công cuộc đánh đuổi quân Thanh đầu xuân 1789 làm nên (4) Đống Đa lịch sử. Khi về với Tây Sơn, người con gái trẻ đẹp này còn (5) một đội nữ binh và một đoàn voi rừng đã được rèn luyện.

Sau khi vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) đột ngột (6) (vào ngày 29 – 7 – 1792), con trai là Quang Toản (Cảnh Thịnh) lên ngôi. Cảnh Thịnh còn nhỏ, bất tài, triều đại Tây Sơn bắt đầu suy yếu.

Năm 1799, Nguyễn Ánh đưa quân (7) Quy Nhơn. Bùi Thị Xuân (8) quân sĩ giữ lũy Trấn Ninh, chiến đấu rất anh dũng. Không ngờ, vua Cảnh Thịnh nhát gan thấy quân Nguyễn tràn qua nhiều, tưởng nguy liền rút lui. Quân địch ngày càng (9), Bùi Thị Xuân cùng chồng con bị bắt ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Ngày 20 – 11 – 1802, Bùi Thị Xuân cùng chồng con bị đưa ra pháp trường tại Phú Xuân. Bị (10), Bà vẫn bình thản tỏ rõ khí phách của một nữ tướng.

5. Trả lời câu hỏi :

a) Bùi Thị Xuân là người như thế nào ?

.....

.....

.....

b) Bà gặp và lấy ông Trần Quang Diệu trong hoàn cảnh nào ?

.....

.....

.....

c) Vợ chồng Bà có công gì với triều đình Tây Sơn ?

.....

.....

d) Thái độ của Bà trước cái chết như thế nào ?

.....

.....

6. Điền từ ngữ chỉ thời gian (*rồi, một lần, khi, dưới thời, sau đó*) thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh truyện sau :

CÂN VOI



Lương Thế Vinh (1441 – 1496) đỗ trạng nguyên năm 23 tuổi (1)
vua Lê Thánh Tông. Ông được gọi là “Trạng Lường” vì nổi tiếng là người giỏi tính toán.
Cuốn “Toán pháp đại thành” của ông là cuốn sách đầu tiên ở nước ta về toán học.

(2) , có sứ thần Trung Hoa sang nước ta. Nghe danh Trạng Lường,
sứ thần muốn thử tài, bèn nhờ ông cân hộ con voi. Lương Thế Vinh sai lính dắt voi
xuống thuyền, đánh dấu mức chìm của thuyền. (3) , ông bảo đưa
voi lên bờ (4) xếp đá vào thuyền. (5) thuyền chìm đến
mức đã đánh dấu, ông sai cân chỗ đá ấy, nhờ đó biết voi nặng bao nhiêu.



Lương Thế Vinh (1441 – 1496)

7. Dựa vào nội dung truyện *Cân voi*, trả lời câu hỏi :

a) Lương Thế Vinh sống dưới thời nào ?

.....

b) Vì sao ông được gọi là “Trạng Lường” ?

.....

.....

c) Sứ thần Trung Hoa nhờ ông làm gì ?

.....

.....

d) Theo em, thời đó có thể có một chiếc cân to để cân con voi không ?

.....

.....

e) Lương Thế Vinh đã làm thế nào để cân con voi ?

.....

.....

8. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B để hoàn thành câu :

A

a) Trên đỉnh đồi
b) Bên cổng làng
c) Giữa lúc giặc Ân tràn sang, đất nước lâm nguy,
d) Từ thế kỉ XI, ở kinh thành Thăng Long

B

1) hiện ra một ngôi chùa nhỏ.
2) sừng sững một cây thông cao vút.
3) đã có một trung tâm đào tạo nhân tài là Quốc Tử Giám.
4) bỗng xuất hiện người anh hùng thiếu niên làng Gióng.

9. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu :

- a) Nhà em (1) ba chị em gái, còn nhà bạn Tùng (2) hai anh em trai.
- b) Ông lão bỗng thấy trên mặt biển trong xanh một con cá vàng.
- c) Giữa khu vườn rộng rãi của bà tôi một cái ao nhỏ, nước trong mát.
- d) Hoa đi học về và rất ngạc nhiên : giữa phòng khách sang trọng một cây hoa rất cao lớn. Thì ra đó là cây đào rừng mẹ mua về để bày Tết.
- e) Giữa quả đồi khô hạn, ba cây thông rất xanh tươi.
- g) Chỉ sau vài ngày gieo hạt, trên mặt đất đã những mầm cây non.

10. Thêm từ **cả** vào câu để nhấn mạnh.

- a) Quân dân nước Việt đã đánh thắng quân Nguyên hùng mạnh.

.....

- b) Hùng và Nam đã làm được những bài toán rất khó.

.....

- c) Hai anh em Hồng Anh và Minh Huy đều đoạt giải võ thuật.

.....

- d) Đi du lịch Huế, Sơn và Vân được đến thăm chùa Thiên Mụ.

.....

11. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm :

- a) Vua Lý Thái Tổ lên ngôi **năm 1054**.

.....

b) **Năm 248 sau Công nguyên**, bà Triệu Thị Trinh khởi nghĩa chống quân Ngô.

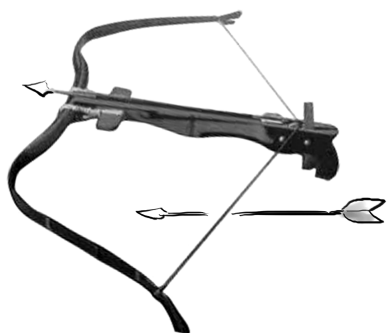
c) **Năm 21 tuổi**, Bạch Thái Bưởi làm thư kí cho một hãng buôn.

d) **Từ mùa thu năm 1945**, Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập.

e) **Vào các năm 1996 – 1998**, vùng quê tôi liên tục được mùa.

12. Điền mỗi từ ngữ sau vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh truyện vui : *thế nào, Lịch sử, mua, phàn nàn, mắng, không biết, An Dương Vương, bực mình.*

AI LẤY NỎ THẦN ?



Thầy giáo môn (1) hỏi học sinh :

– Em Hằng, ai đã lấy cắp nỏ thần của (2)
..... ở thành Cổ Loa ?

Hằng đáp :

– Thưa thầy, không phải em lấy đâu ạ.

Thầy (3), hỏi học sinh khác :

– Em Minh có biết không ?

Minh trả lời :

– Thưa thầy, em (4) ạ.

Thầy bực quá, mắng :

– Chiếc nỏ thần mất mà hỏi ai cũng không biết là (5) ?

Đúng lúc đó, bác chủ tịch Hội Cha mẹ học sinh đi qua, nghe thấy. Bác xin gặp thầy giáo. Nghe thầy giáo (6), bác bảo :

– Thôi đã mất rồi, xin thầy đừng (7) các cháu. Hội Cha mẹ học sinh chúng tôi xin (8) cho nhà trường chiếc khác ạ.

Theo TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ

13. Đọc lại truyện vui *Ai lấy nỏ thần ?* đã hoàn chỉnh, trả lời câu hỏi :

a) Thầy giáo môn Lịch sử hỏi Hằng và Minh câu hỏi như thế nào ?

b) Vì sao câu trả lời của Hằng và Minh làm thầy bực mình ? Thầy đã nói gì ?

c) Bác chủ tịch Hội Cha mẹ học sinh nói gì khi nghe lời phàn nàn của thầy giáo ?

.....

d) Câu chuyện có gì buồn cười ?

.....

14. Viết về một người Việt Nam ở nơi em sinh sống thành đạt trong học tập, hoạt động xã hội hoặc kinh doanh.

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.



1. Đọc bài sau :

CHÙA MỘT CỘT



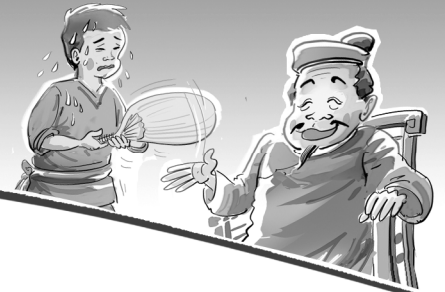
Chùa Một Cột được xây dựng năm 1049, dưới thời vua Lý Thái Tông. Trải qua thời gian và chiến tranh, chùa cũ đã bị huỷ hoại. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng lại năm 1955, nhỏ hơn so với trước.

Chùa chỉ có một gian hình vuông, gọi là Liên Hoa Đài (đài hoa sen), mỗi chiều 3 mét, đặt trên một chiếc cột đá có đường kính 1,2 mét, cao 4 mét. Cột đá này gồm 2 khối, gấn rất khéo, thoát nhìn như một khối đá liền.

Ngoài ý nghĩa tâm linh, chùa còn là một công trình nghệ thuật sáng tạo kết hợp giữa kiến trúc, điêu khắc, hội họa,... Sự độc đáo của kiến trúc chùa là toàn bộ ngôi chùa được đặt trên một cột đá, nằm giữa hồ nước, trông như một bông sen. Ở đây có sự kết hợp của trí tưởng tượng qua hình ảnh hoa sen và nghệ thuật kiến trúc, vừa mang tính thẩm mỹ vừa tạo thế vững chắc cho công trình. Ngôi chùa soi bóng trên mặt nước còn thể hiện một ý nghĩa cao cả : lòng nhân ái soi tỏ thế gian.

Ngày 4 – 5 – 2006, chùa Một Cột được ghi vào sách kỉ lục Guinness Việt Nam với danh hiệu “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất Việt Nam”. Nhiều khách đến tham quan, nhất là những du khách nước ngoài, rất ấn tượng với kiến trúc của ngôi chùa có một không hai này.

Theo VITINFO



Nối từ ngữ ở bên A với lời giải nghĩa thích hợp ở bên B :

A

a) huỷ hoại
b) tâm linh
c) đường kính
d) ấn tượng
e) tính thẩm mỹ

B

1) đoạn thẳng đi qua tâm, nối hai điểm của đường tròn
2) làm cho hư hỏng đi, mất đi
3) có cảm xúc đặc biệt về một sự vật, hiện tượng độc đáo
4) sự thể hiện vẻ đẹp của con người, thiên nhiên
5) niềm tin vào những điều linh thiêng

2. Dựa vào bài đọc *Chùa Một Cột*, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Điều gì làm nên sự độc đáo của kiến trúc chùa Một Cột ?

- ☐ Ý nghĩa tâm linh của ngôi chùa.
- ☐ Tính thẩm mỹ và sự vững chắc của ngôi chùa.
- ☐ Ngôi chùa được đặt trên một cột đá nằm giữa hồ nước.

b) Gian chùa Một Cột có chiều rộng bao nhiêu mét ?

- ☐ 1,2 mét
- ☐ 3 mét
- ☐ 4 mét

c) Cột đá cao bao nhiêu mét?

- ☐ 1,2 mét
- ☐ 3 mét
- ☐ 4 mét

d) Đường kính của cột đá là bao nhiêu ?

- ☐ 1,2 mét
- ☐ 3 mét
- ☐ 4 mét

e) Danh hiệu “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất Việt Nam” là đánh giá của ai ?

- ☐ Các du khách.
- ☐ Sách kỉ lục Guinness thế giới.
- ☐ Sách kỉ lục Guinness Việt Nam.

3. Dùng **không thể không** và các từ ngữ đã cho, đặt câu theo mẫu.

M : Nói đến Hà Nội, **không thể không** nói đến chùa Một Cột.

a) Nói / nhạc cụ dân tộc / cây đàn bầu / Việt Nam

.....

.....

b) Nói / Vạn Lí Trường Thành / di tích lịch sử / Trung Quốc

.....

.....

c) Nhắc / tháp Eiffel / thủ đô Paris

d) Nói / toà tháp đôi / đất nước Malaysia

e) Nhắc / cổ đô Huế / dòng sông Hương

g) Nói / Hà Nội / Hồ Hoàn Kiếm / Tháp Rùa

4. Điền dưới mỗi tấm ảnh tên công trình kiến trúc và thành phố có công trình đó :



a).....
ở.....(Việt Nam).



b).....
ở(Australia).



c).....
..... ở..... (Hoa Kỳ)

*Nhà hát Opera Con Sò,
Tượng Nữ thần Tự Do,
Cầu Tràng Tiên*

5. Viết tên nhạc cụ dân tộc Việt Nam dưới mỗi tấm ảnh :

*đàn bầu, sáo,
đàn đá, nhị*



a).....



b).....



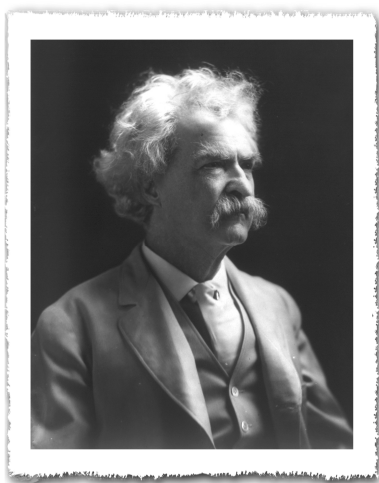
c).....



d).....

6. Sắp xếp lại các câu văn sau bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu để tạo thành mẩu chuyện hoàn chỉnh :

NHÀ VĂN MARK TWAIN SANG PHÁP



(1835 – 1910)

- ☐ Biết là mình ngủ say, Mark Twain dặn :
- ☐ Vì mệt và buồn ngủ, ông nhờ người soát vé đánh thức ông khi tới Dijon.
- ☐ – Có thể tôi sẽ to tiếng khi ông đánh thức tôi. Nhưng ông đừng ngại.
- ☒ 1 Trong chuyến đi Pháp, Mark Twain lên tàu hoả đến Dijon.
- ☐ Khi Mark Twain thức dậy thì tàu đã chạy qua Dijon và đang vào ga Paris.
- ☐ Ông rất bức, chạy đến mắng người soát vé :
- ☐ – Suốt đời tôi chưa bao giờ cáu giận ai như thế này.
- ☐ – Lão người Mỹ mà tôi cho xuống ở ga Dijon ấy còn cáu gấp đôi ông đấy.
- ☐ Người soát vé đứng dưng nhìn Mark Twain, nói :

7. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Nhà văn Mark Twain nhờ người soát vé điều gì ?

- ☐ Đánh thức ông khi tàu đến ga Dijon.
- ☐ Đánh thức ông khi tàu đã qua ga Dijon.
- ☐ Đánh thức ông khi tàu sắp vào ga Paris.

b) Vì sao Mark Twain phải nhờ người soát vé đánh thức ?

- ☐ Vì ông mệt và buồn ngủ.
- ☐ Vì ông lần đầu sang Pháp.
- ☐ Vì ông không biết ga Dijon.

c) Mark Twain dặn người soát vé điều gì ?

- ☐ Tôi ngủ rất say.
- ☐ Tôi rất hay cáu giận.
- ☐ Bị đánh thức, tôi có thể to tiếng nhưng đừng ngại.

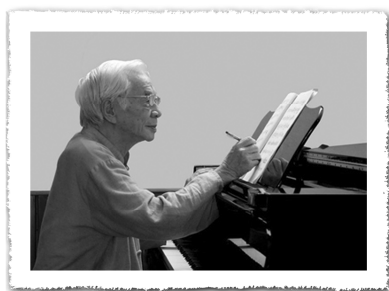
d) Vì sao người soát vé không đánh thức Mark Twain ?

- ☐ Vì ông ta bận việc nên quên.
- ☐ Vì ông ta đánh thức nhầm người khác.
- ☐ Vì ông ta muốn làm Mark Twain cáu giận.

e) Chi tiết nào cho biết ông ta không nhận ra mình đã nhầm ?

- ☐ Ông ta bị Mark Twain mắng.
- ☐ Lời Mark Twain mắng ông ta.
- ☐ Thái độ dửng dưng của ông ta và câu nói cuối truyện.

8. Đọc truyện sau, làm bài tập :



“CHÚ QUÊN RỒI À ?”

Nhạc sĩ Huy Du nổi tiếng đãng trí. Một lần, vào cửa hàng, nhạc sĩ gặp một người đàn ông thân mật chào hỏi mình. Hai người trò chuyện vui vẻ. Rồi người kia bảo :

– Chẳng ai đãng trí như chú. Vội đi họp, đến nỗi xỏ nhầm cả hai chiếc tất vào một chân. Nếu cô ấy không lấy cho đôi tất khác để thay, chắc chú cũng không biết mình nhầm.

Nghe đến đây, nhạc sĩ Huy Du ngạc nhiên :

– Bác là ai mà biết chuyện nhà tôi rõ thế ?

Người đàn ông kia còn ngạc nhiên hơn :

– Chú quên rồi à ? Tôi là anh vợ chú đây mà !

NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG

Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Huy Du là ai ?

☐ Là một họa sĩ.

☐ Là một nhạc sĩ.

☐ Là một văn sĩ.

b) Truyện này nói về đặc điểm gì của Huy Du ?

☐ Đãng trí.

☐ Hay vội vàng.

☐ Đi nhầm tất.

c) Người đàn ông mà Huy Du gặp ở cửa hàng nhắc lại chuyện gì về ông ?

☐ Quên đi họp.

☐ Quên đi tất.

☐ Xỏ nhầm tất.

d) Vì sao nghe người đàn ông kể chuyện xỏ nhầm tất, Huy Du rất ngạc nhiên ?

☐ Vì không biết người lạ đó là ai.

☐ Vì người lạ biết rõ chuyện nhà mình.

☐ Vì người đàn ông kể một chuyện rất lạ.

e) Vì sao nghe câu hỏi của Huy Du, người đàn ông còn ngạc nhiên hơn ?

☐ Vì Huy Du đãng trí, không nhận ra anh vợ.

☐ Vì Huy Du đãng trí, quên cả chuyện xỏ nhầm tất.

☐ Vì Huy Du không hiểu tính khôi hài của câu chuyện.

9. Điền vào mỗi chỗ trống một từ ngữ thích hợp (*Tết Trung thu, quả măng cầu, nhạc vàng, “ông ba mươi”, khổ qua, nhạc không lời*) để hoàn thành câu, có sử dụng **còn gọi là, còn được gọi là**.

M : Nghệ sĩ Charlie Chaplin **còn được gọi là** “vua hề Charlot”.

- a) Quả na **còn gọi là** quả
- b) Mướp đắng
- c) Những ca khúc tiền chiến
- d) Con hổ.....
- e) Ngày rằm tháng Tám

10. Dùng từ ngữ, cụm từ đã cho để đặt câu theo mẫu **không phải vì ... mà vì ...**

M : Hoạ sĩ Bùi Xuân Phái nổi tiếng **không phải vì** có nhiều tranh **mà vì** ông vẽ phố cổ Hà Nội rất đặc sắc.

a) Hồ Xuân Hương / viết bằng chữ Nôm / thơ / rất độc đáo / nổi tiếng

.....

b) nhiều người thích / âm nhạc Trịnh Công Sơn / nhạc / lời bài hát

.....

c) nổi tiếng / Nguyễn Du / làm quan cho nhà Nguyễn / “Truyện Kiều” / viết

.....

d) người phụ nữ đáng yêu / sự duyên dáng / đẹp

.....

e) bài thơ hay / hình thức khác lạ / nội dung cảm xúc

.....

11. Bài viết dưới đây về nghệ sĩ xiếc Hồng Hạnh còn nhiều lỗi chính tả. Em hãy tìm các lỗi đó và sửa lại cho đúng. Biết rằng : đoạn 1 có 5 lỗi, đoạn 2 có 2 lỗi, đoạn 3 có 4 lỗi.



Nghệ sĩ xiếc Hồng Hạnh

1) Nguyễn Hồng Hạnh sinh năm 1980, quê huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Chị đến với môn nghệ thuật xiếc năm 11 tuổi. Năm năm học ở Trường xiếc Việt Nam, gần 10 năm cống hiến hết mình, chị đem đến cho khán giả những tiết mục đẹp mắt. Huy chương Vàng liên hoan xiếc toàn quốc 2002 và Huy chương Vàng liên hoan xiếc quốc tế 2004 là những phần thưởng xứng đáng giành cho chị.

2) Hai tay vừa điều khiển xích đu, vừa tung những dải lụa, hàm răng cắn chặt mũi rao chống để kiểm, chân uốn

qua vai – sự kết hợp khéo léo các động tác của Hồng Hạnh tạo nên hình ảnh đẹp và tràn đầy xúc sống...

3) Biểu diễn xiếc không tránh khỏi nguy hiểm. Hồng Hạnh cho tôi xem những vết thương ở răng, ngực. Nhiều lần diễng tập, bị mũi kiếm rơi trúng ngực, nhẹ thì chị diễn tiếp, nặng thì đành bỏ dở tiếc mục. Khi tôi hỏi rằng nghề xiếc vất vả, nguy hiểm thế sao chị vẫn gắng bó ? Chị bảo đã đam mê nghề rồi, khó bỏ lắm.

Theo HÀN NGUYỆT



Tiết mục “Đế kiếm trên đu” của Hồng Hạnh

12. Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn giới thiệu một tiết mục xiếc (hoặc một nghệ sĩ xiếc) mà em yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

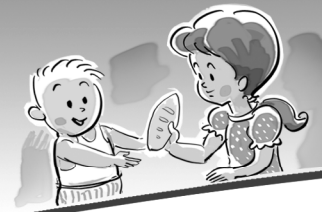
.....



BÀI 9



Thể thao



1. Nối từ ở bên A với nghĩa thích hợp ở bên B :

A

a) khổ luyện
b) lừng danh
c) “ngôi sao”
d) bảo mẫu
e) “nhí”

B

1) nhỏ tuổi
2) rất nổi tiếng
3) luyện tập rất vất vả
4) người làm nghề chăm sóc trẻ em
5) vận động viên hoặc diễn viên xuất sắc

2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Từ trái nghĩa với “tập thể” là...

☐ gia đình

☐ cá nhân

☐ đồng đội

b) Từ gần nghĩa với “chân trần” là...

☐ chân đất

☐ chân trái

☐ chân giầy

c) Từ trái nghĩa với “kì vọng” là ...

☐ vang vọng

☐ thất vọng

☐ hi vọng

d) Từ gần nghĩa với “xôn xao” là ...

☐ vui vẻ

☐ yên lặng

☐ ồn ào

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống : *tách biệt, thể lực, huấn luyện, kì vọng, hỗ trợ.*

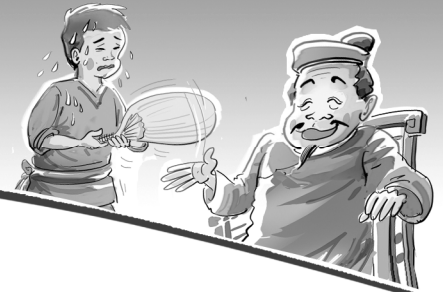
a) Muốn trở thành vận động viên thể thao, điều quan trọng là phải có tốt.

b) Guillaume được giao nhiệm vụ đội bóng đá trẻ của Câu lạc bộ Hoàng Anh – Gia Lai.

c) Người dân Trung Quốc rất nhiều vào Olympic 2008.

d) Trong thời gian thi đấu tại Olympic, các vận động viên phải sống với gia đình.

e) Các vận động viên được gia đình và bạn bè tích cực.



4. Ghép tên dụng cụ với hình vẽ phù hợp :

a)



1) vợt tennis

b)



2) thuyền đua

c)



3) tạ

d)



4) xe đạp đua

5) cung tên

e)



6) kiếm

g)



7) găng tay
đấm bốc

h)



8) xà ngang

i)



5. Dụng cụ nào dùng trong môn thể thao nào ? Hoàn thành các câu dưới đây :

a) Vợt tennis dùng trong **môn tennis**.

b) Thuyền đua dùng trong môn

c) Tạ dùng trong môn

d) Cung tên dùng trong môn

e) Kiếm dùng trong môn

g) Găng tay dùng trong môn

h) Xà ngang dùng trong môn

i) Xe đạp đua dùng trong môn

6 Đọc những tin sau :

NHỮNG KỈ LỤC OLYMPIC CỦA LOÀI VẬT

a) Bay nhanh nhất

Đó là chim ưng. Bình thường, tốc độ bay của nó khoảng 80 km / giờ, nhưng khi lao từ trên cao xuống vỗ mỗi, tốc độ tối đa có thể đạt tới 322 km / giờ.



b) Chạy nhanh nhất

Đó là báo Gêpa (Cheetah) châu Phi. Nó có thể chạy với tốc độ 113 km / giờ trong cự li 183 m. Tuy nhiên, báo Gêpa không dai sức – nó chỉ có thể chạy hết tốc lực trong quãng đường dài 500 m thôi.



c) Bơi nhanh nhất

Đó là cá cờ (sailfish). Loài cá cờ này có thể bơi với vận tốc 109 km / giờ và được coi là “nhà vô địch dưới nước”.



d) Dai sức nhất

Vùng Bắc Cực có loài nhạn biển nổi tiếng dai sức. Theo Tổ chức Bảo tồn thế giới WWF, loài chim này chỉ nặng 300 gr, nhưng mỗi năm bay qua khoảng cách 35 000 km đến Nam Cực vào mùa hè.



e) Vô địch môn cử tạ

Đó là con voi. Do có hàng trăm cơ bắp mạnh mẽ, voi dễ dàng nhấc được một vật nặng 270 kg.



g) Nhảy cao nhất

Đó là con bọ chét. Chỉ dài khoảng 6 mm, nhưng con bọ chét có thể nhảy cao 70 cm. Theo các nhà khoa học, thành tích này tương đương một người nhảy lên nóc toà nhà cao 210 m !

Theo INTERNET



Dựa vào bài đọc, giải thích nghĩa của những từ ngữ sau :

- a) Dai sức :
- b) Cự li :
- c) Chạy hết tốc lực :
- d) Vỗ mỗi :

7. Dựa vào bài đọc, giải thích ý nghĩa của những con số sau :

- a) 113 km / giờ ; 183 m :
-

- b) 270 kg :
- c) 6 mm :
- d) 70 cm :
- e) 35 000 km :
- g) 109 km / giờ :
- h) 322 km / giờ :
-

8. Viết câu theo mẫu, có sử dụng từ *đủ*.

M : a) bọ chét / 6 mm / nhảy cao 70 cm.

→ **Đủ** bọ chét chỉ dài 6 mm, nó có thể nhảy cao tới 70 cm.

b) báo Gêpa / 113 km / giờ trong cự li 183 m / quãng đường dài hơn 500 m

.....

.....

c) nhạn biển / nặng 300 gram / 35 000 km đến Nam Cực

.....

.....

d) chim ưng / 80 km / giờ / 322 km / giờ

.....

.....

9. Viết lại câu theo mẫu, có dùng từ *giá*.

M : Vì tôi không nhảy cao như bọ chét, tôi không thể nhảy lên nóc toà nhà cao 210 m.

→ **Giá** tôi nhảy cao như bọ chét, tôi có thể nhảy lên nóc toà nhà cao 210 m.

a) Vì tôi không phải là voi, tôi không thể nhấc được vật nặng 270 kg.

.....

.....

b) Vì mùa hè ở Bắc Cực không có thức ăn, loài nhạn biển phải bay qua quãng đường dài 35 000 km đến Nam cực tìm thức ăn.

.....

.....

c) Vì báo Gêpa không dai sức, nó không thể chạy xa hơn khoảng cách 500 m với vận tốc tối đa.

.....

.....

d) Vì tôi không phải là cá cờ, tôi không thể bơi với vận tốc 109 km / giờ.

.....

.....

10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống : *bù lại, trở thành, trở nên, hẳn.*

a) Nữ vận động viên cử tạ Chen Xiexia vận động viên đầu tiên của Trung Quốc đoạt huy chương Vàng tại Olympic Bắc Kinh 2008.

b) Sau Đại hội Olympic 2008, sân vận động “Tổ chim” ở Bắc Kinh nổi tiếng.

c) Sau một thời gian luyện tập, trình độ của các cầu thủ nhí ở học viện bóng đá tiến bộ lên.

d) Các vận động viên Việt Nam thường thua kém vận động viên nước khác về thể lực., họ rất khéo léo và nhanh nhẹn.

11. Dùng ***hẳn***, viết lại câu.

a) Sân vận động sôi nổi lên nhiều sau khi một cầu thủ ghi bàn.

.....

b) Khi nhìn thấy con mồi, chim ưng bay nhanh hơn nhiều.

.....

c) Sau quãng đường dài, những con nhạn biển bay chậm lại nhiều.

.....

d) Do được ăn uống, tập luyện đều đặn, các cầu thủ nhí khoẻ mạnh lên nhiều.

.....

.....

12. Dùng ***gây / gây ra***, viết lại câu.

a) Thức ăn nhanh làm cho nhiều trẻ em bị béo phì.

.....

b) Mọi người chen nhau vào sân vận động nên tai nạn xảy ra.

.....

c) Hôm qua thành phố mất điện nhiều giờ liền vì mưa bão.

.....

d) Đội bóng thành phố gặp khó khăn vì không có nơi để luyện tập.

.....

13. Viết một đoạn văn ngắn về thành tích thể thao của một vận động viên mà em hâm mộ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Những lời giải nghĩa dưới đây đúng hay sai ?

	ĐÚNG	SAI
a) <i>Vật tư</i> : đồ vật của cá nhân.	☐	☐
b) <i>Thập kỉ</i> : thời gian 10 năm.	☐	☐
c) <i>Xấp xỉ</i> : hoàn toàn bằng nhau.	☐	☐
d) <i>Đảm nhận</i> : phụ trách, gánh vác.	☐	☐
e) <i>Trọng điểm</i> : nơi hoặc vấn đề được coi là quan trọng hơn những nơi khác, vấn đề khác.	☐	☐
	☐	☐

2. Nối các từ trái nghĩa với nhau :

A

a) đề cao
b) tiêu cực
c) đối trá
d) lảm lòi
e) tự ti

B

1) ít lời
2) tự tin
3) tích cực
4) trung thực
5) hạ thấp

3. Điền mỗi từ sau vào chỗ trống thích hợp : *đề cao, tiêu cực, đối trá, lảm lòi, tự ti.*

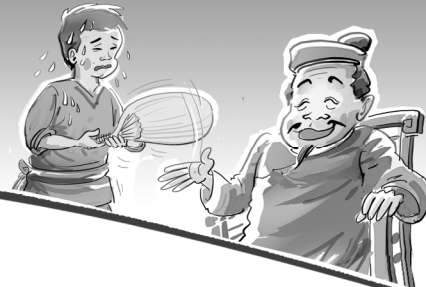
- a) Thói quen có thể làm lộ những bí mật kinh doanh.
- b) Do tình hình khủng hoảng kinh tế, Nhà nước kêu gọi nhân dân tinh thần tiết kiệm.
- c) Anh ấy không phải là người, nhưng vì sợ mất việc nên đã nói dối giám đốc.
- d) Bạn cần phải tìm ra điểm mạnh của mình, đừng như thế.
- e) Vì đi tìm việc làm mãi không được, Thắng bắt đầu chán nản, buồn phiền và suy nghĩ

4. Viết 3 câu nói về những việc sinh viên nên làm trong giờ học và 3 câu nói về những việc sinh viên không được làm.

M : – Sinh viên nên chăm chú nghe giảng.

– Sinh viên không được phép hút thuốc trong lớp học.

- a)
-



b)

.....

c)

.....

d)

.....

e)

.....

g)

.....

5. Dùng **thà... còn hơn...**, viết tiếp lời nhân vật để hoàn thành câu.

M : Minh không thích phải làm việc xa thành phố. Minh nói... (thất nghiệp / xa thành phố)

→ Minh nói : **Thà** thất nghiệp **còn hơn** xa thành phố.

a) Quang vào quán ăn nhưng chỉ có món thịt lợn. Quang là người ăn chay. Quang nói... (nhịn đói / ăn thịt)

.....

b) Mẹ Vân sợ đi ô tô vì say xe. Mẹ Vân nói... (đi bộ / đi ô tô)

.....

c) Kiên ghét cả nấu cơm lẫn rửa bát, nhưng Kiên ghét rửa bát hơn. Kiên nói... (nấu cơm / rửa bát).

.....

d) Trời rất nóng mà cả phố bị mất điện. Nhưng Phương nghĩ mất điện vẫn tốt hơn là mất nước. Phương nói... (mất điện / mất nước).

.....

e) Quyên sắp thi, mẹ khuyên Quyên nên dậy sớm học bài. Nhưng Quyên ghét dậy sớm. Cô nói... (thức khuya / dậy sớm).

.....

6. Điền **tỏ ra** / **tỏ vẻ** / **có vẻ** vào các câu dưới đây cho phù hợp :

a) Mùa đông năm nay lạnh hơn mùa đông năm trước.

b) Phát biểu trước hội nghị, các chuyên gia kinh tế lo ngại trước tình hình kinh tế thế giới.

c) Từ khi có cải cách kinh tế, cuộc sống của người dân được cải thiện hơn.

d) Chính phủ các nước lo lắng trước dịch cúm H1N1.

e) Bạn không nên sành điệu quá như thế. Ở đây ai cũng biết bạn mà.

7. Dùng **ngay cả**, viết tiếp, hoàn thành câu.

M : Bây giờ không chỉ thành phố mới bị ô nhiễm mà

→ Bây giờ không chỉ thành phố mới bị ô nhiễm mà **ngay cả** nông thôn cũng bị.

a) Ở gia đình tôi, không chỉ có bố mẹ mới có điện thoại di động mà

b) Ở Việt Nam hiện nay, không chỉ học sinh, sinh viên ở các thành phố lớn học tiếng Anh mà

c) Không chỉ các nước lớn bị khủng hoảng kinh tế mà

d) Không chỉ đi xin việc mới cần phải tự tin mà

8. Đọc bài sau :

CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN



Ra đời vào giữa năm 1996, Trung Nguyên là một nhãn hiệu cà phê non trẻ của Việt Nam, nhưng đã nhanh chóng tạo dựng được uy tín đối với người tiêu dùng cả trong và ngoài nước.

Từ một hãng cà phê nhỏ bé ở Buôn Ma Thuột, Trung Nguyên đã trở thành một tập đoàn hùng mạnh với 6 công ty thành viên. Hiện nay Trung Nguyên có một mạng lưới gần 1 000 quán cà phê ở Mỹ, Nhật, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Campuchia, Ba Lan, Ukraina. Sản phẩm cà phê Trung Nguyên được xuất khẩu đến 43 quốc gia trên thế giới.

Trong tương lai, Trung Nguyên sẽ trở thành một tập đoàn gồm 10 công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực trồng, chế biến, xuất khẩu cà phê, kinh doanh bất động sản, chăn nuôi và truyền thông.

Theo TRUNGNGUYEN.COM

Dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

☐ Hiện nay cà phê Trung Nguyên có 10 công ty thành viên.

☐ Hiện có 43 nước trên thế giới có sản phẩm cà phê Trung Nguyên.

☐ Cà phê Trung Nguyên xuất hiện từ năm 1996.

☐ Trung Nguyên không có kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, chăn nuôi, truyền thông.

9. Tìm từ trái nghĩa với các từ dưới đây :

a) xuất khẩu ≠

b) non trẻ ≠

c) hùng mạnh ≠

d) nhanh chóng ≠

10. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp (*mắc, phỏng vấn, chỉ, sử dụng, thực hiện, cho thấy*) để hoàn thành bản tin sau :

Một nghiên cứu được (1) gần đây cho biết, nếu uống từ 3 đến 5 tách cà phê mỗi ngày ở độ tuổi trung niên, người ta có thể giảm tới 2 / 3 nguy cơ mắc bệnh mất trí nhớ khi về già.

Các nhà nghiên cứu Thụy Điển và Phần Lan đã (2) 1 500 đàn ông và phụ nữ tuổi trung niên về thói quen uống trà và cà phê của họ. Sau 20 năm, chỉ có 61 người trong số họ mắc bệnh mất trí nhớ. Trong số những người được phỏng vấn, có rất ít người uống trà. Nghiên cứu (3) trà không có tác động nào tới nguy cơ mắc bệnh mất trí nhớ.

Công trình nghiên cứu đã (4) ra rằng những người uống cà phê với liều lượng vừa phải ít có nguy cơ (5) bệnh mất trí nhớ nhất. Tuy nhiên, cà phê chỉ có ích cho sức khỏe khi chúng ta (6) loại đồ uống này với liều lượng thích hợp.



Theo INTERNET

11. Trả lời câu hỏi :

a) Theo bài đọc trên, cà phê có tác dụng gì ?

.....

b) Để cà phê có tác dụng tốt, cần uống nó như thế nào ?

.....

.....

c) Ở nước bạn đang sinh sống, có hãng cà phê nào nổi tiếng ?

.....

.....

d) Bạn có thích uống cà phê không ? Vì sao ?

.....

.....

e) Ngoài cà phê, bạn thích đồ uống nào và không thích đồ uống nào ? Vì sao ?

.....

.....

12. Viết về một sản phẩm nổi tiếng (quần áo, giấy dép, túi xách, nước hoa, máy ảnh, thức ăn, đồ uống,...) mà em ưa thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Đọc bài sau :

HƠN MỘT NGHÌN NGÀY VÒNG QUANH TRÁI ĐẤT



Magellan (1480 - 1521)

Ngày 20 tháng 9 năm 1519, từ cảng Sevilla nước Tây Ban Nha, có năm chiếc thuyền lớn giương buồm ra khơi. Đó là hạm đội do Magellan chỉ huy, với nhiệm vụ khám phá con đường trên biển dẫn đến những vùng đất mới.

Vượt Đại Tây Dương, Magellan cho đoàn thuyền đi dọc theo bờ biển Nam Mỹ. Tới gần mỏm cực nam thì phát hiện một eo biển dẫn tới một đại dương mênh mông. Thấy sóng yên biển lặng, Magellan đặt tên cho đại dương mới tìm được là Thái Bình Dương.

Thái Bình Dương bát ngát, đi mãi chẳng thấy bờ. Thức ăn cạn, nước ngọt hết sạch. Thủy thủ phải uống nước tiểu, ninh nhừ giày và thắt lưng da để ăn. Mỗi ngày có vài ba

người chết phải ném xác xuống biển. May sao, gặp một hòn đảo nhỏ, được tiếp thức ăn và nước ngọt, đoàn thám hiểm lấy lại được tinh thần.

Đoạn đường từ đó có nhiều đảo hơn. Không phải lo thiếu thức ăn, nước uống nhưng lại xuất hiện những khó khăn mới. Trong một trận giao tranh với dân đảo Mactan (một đảo thuộc quần đảo Philippines ngày nay), Magellan đã bỏ mình, không kịp nhìn thấy kết quả công việc mình làm.

Những thủy thủ còn lại tiếp tục vượt Ấn Độ Dương tìm đường trở về châu Âu. Ngày 8 tháng 9 năm 1522, đoàn thám hiểm chỉ còn một chiếc thuyền với 18 thủy thủ về đến Tây Ban Nha.

Chuyến đi đầu tiên vòng quanh trái đất của Magellan kéo dài 1 083 ngày, mất bốn chiếc thuyền lớn, với gần hai trăm người bỏ mạng dọc đường. Nhưng đoàn thám hiểm đã hoàn thành sứ mạng, khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.

Theo TRẦN DIỆU TẦN



Nối từ ngữ ở bên A với lời giải nghĩa hoặc hình ảnh thích hợp ở bên B :

A

a) Ra khơi
b) Bỏ mạng
c) Sứ mạng
d) Thuỷ thủ
e) Ninh nhừ
g) Giao tranh
h) Thắt lưng da

B

1) mất, chết
2) đi ra biển lớn
3) trách nhiệm cao quý, thiêng liêng
4) nấu thức ăn bằng cách đun nhỏ lửa, rất lâu cho thật chín
5) đánh nhau giữa các bên có vũ khí
6) đồ vật bằng da thắt ở ngang lưng để giữ quần áo
7) người làm việc trên tàu thuỷ

2. Dựa vào bài đọc *Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất*, điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu :

a) Hạm đội của Magellan có nhiệm vụ khám phá (1) trên biển dẫn đến những (2) mới.

b) Đoàn thám hiểm gióng buồm ra khơi ngày (1) , từ cảng Sevilla nước (2)

c) Đi tới gần mỏm cực nam, đoàn thuyền phát hiện một eo biển dẫn tới một (1) mệnh mông. Thấy sóng yên biển lặng, Magellan (2) cho đại dương này là (3)

d) Magellan đã (1) trong một trận giao tranh với dân đảo Mactan, không kịp nhìn thấy (2) công việc mình làm.

e) Ngày 8 – 9 – 1522, (1) chỉ còn một chiếc thuyền với 18 thuỷ thủ cập (2) Tây Ban Nha.

g) Chuyến đi đầu tiên vòng quanh (1) của Magellan kéo dài (2) ngày. Đoàn thám hiểm đã (3) trái đất hình cầu, (4) Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống : **rằng** hay **là** ?

a) Trở về sau cuộc thám hiểm (bắt đầu vào năm 1492), Christophoro Colombo đã tâu với vua và hoàng hậu Tây Ban Nha (1) mặc dù không đến được Ấn

Độ nhưng chuyến đi đã giúp ông khẳng định trái đất hình cầu. Chuyến đi vòng quanh thế giới sau đó (1519 – 1522) của Magellan càng giúp con người khẳng định được sự thật (2) trái đất của chúng ta có hình cầu.

b) Vua Minh Mạng biết (1) bà Vĩnh Tế (phu nhân Thoại Ngọc Hầu) có rất nhiều công giúp chồng hoàn thành công việc đào kênh. Để ghi nhớ công lao của bà, nhà vua đã đặt tên con kênh (2) kênh Vĩnh Tế .

c) Sơn giời môn Địa lí nên được cả lớp gọi (1) nhà địa lí trẻ. Sáng nay, trước giờ Địa, nhà địa lí trẻ thông báo : "Hôm nay, đọc internet, tớ biết (2) Việt Nam là một trong ba nước ở khu vực châu Á, Thái Bình Dương chịu ảnh hưởng nặng nhất của hiện tượng biến đổi khí hậu".

d) Nhờ dự đám cưới chị Kim, Trang mới biết (1) lễ hỏi ngày, giờ sinh của cô dâu gọi (2) lễ vấn danh ; đến xin cưới cô dâu gọi (3) ăn hỏi.

4. Điền vào chỗ trống từ thích hợp : *treo, đặt, buộc, dựng, cắm, gắn.*

a) Dưới gốc cây phượng mấy chiếc xe máy rất đắt tiền.

b) Trên bức tường phòng khách của họa sĩ Phương mấy bức tranh rất nổi tiếng.

c) Giữa bàn học của Hà (1) một bình gốm nhỏ. Trong bình (2) ba bông cúc vàng thật lộng lẫy.

d) Trên bức tường lớn của xưởng vẽ (1) một màn hình lớn. Còn trên sàn nhà (2) hai cái máy in màu rất hiện đại.

5. Đặt câu với cụm từ *một trong những* :

a) Magellan / nhà thám hiểm vĩ đại của thế giới

.....

b) nước có bờ biển rất dài / Việt Nam

.....

c) Vincom / trung tâm thương mại lớn và hiện đại ở Hà Nội

.....

d) Lan / người bạn thân thiết mà Mai có thể kể hết mọi chuyện

.....

e) sinh viên xuất sắc nhất ở trường đại học / Quang Anh

.....

6. Hoàn thành câu bằng cách điền vào mỗi chỗ trống một cụm từ thích hợp : *trước khi sang Paris, hồi mới bắt đầu nghề dạy học, hồi mới vào lớp 1, khi tới gần mỏm cực nam, khi đến Hồng trường ở Matxcova.*

a), đoàn thám hiểm của Magellan phát hiện một eo biển dẫn tới một đại dương mênh mông.

b) , Phương không nghĩ rằng có một sân bay lớn như sân bay Charles de Gaulle.

c) , Vân mới biết Hồng trường không lớn như Vân tưởng.

d) , Nam là học sinh bé nhất lớp.

e) , cô giáo Thu Nga đã đoạt giải hoa hậu thành phố cảng Hải Phòng.

7. Viết lời đáp có sử dụng cụm từ thích hợp (*đã khen, đã thông báo, đã an ủi, đã đợi, đã giúp*) để hoàn thành các hội thoại.

M : – Ông ơi, cái gậy của ông đây rồi. Ông cầm lấy đi ạ.

– Cảm ơn cháu **đã giúp**.

a) – Xin lỗi, mình đến hơi muộn. Sao cậu không vào rạp chiếu phim trước đi ?

– Mình chờ cậu cùng vào cho vui mà.

–

b) – Hoa à, chủ nhật tới, cả lớp mình sẽ đi tham quan thắng cảnh Bái Đính – Tràng An đấy.

– Nhưng mình đang bị cúm thế này, chủ nhật tới không biết có khỏi được không mà đi ?

– Cậu đỡ sốt rồi, không còn ho mấy nữa. Thế nào cậu cũng khỏi trước chủ nhật mà.

– Mình cũng mong được thế lắm.

c) – Nhãn của bác hạt nhỏ, cùi dày, ăn rất ngọt và mát. Nhãn này là đặc sản nổi tiếng của Phố Hiến phải không bác ?

– Đúng rồi. Cảm ơn cháu

d) – Anh à, biểu tượng Trâu Vàng của SEA Games 22 có ý nghĩa gì hả anh ?

– Trâu Vàng tượng trưng cho ước vọng về mùa màng ấm no, hạnh phúc, về sức mạnh và tinh thần thượng võ của người Việt.

– Anh nói hay quá !

–



8. Hoàn thành các hội thoại bằng lời đáp có sử dụng từ **vấn**.

M : Hùng thích phim hành động hơn.

→ Hùng **vấn** thích phim hành động hơn.

a) – Trang à, chiều nay em đừng ăn phở nữa. Em ăn bát cháo hành này cho ra mồ hôi, chóng khỏi ốm nhé.

–

b) – Long này, chiều nay nắng lắm, anh em mình chơi bóng bàn ở nhà cho mát. Đừng đi đá bóng nữa.

–

c) – Cậu thấy ca sĩ Diễm My hôm nay thế nào ? Rõ ràng là Diễm My đẹp hơn, duyên dáng hơn Thanh Mai ?

– Theo mình thì ngược lại,

d) – Chào ông bà Smith, lâu lắm rồi không được gặp ông bà. Ông bà về Anh, mới trở lại Hà Nội ă ?

– Không, Còn anh, anh mới bay từ Huế ra à ?

– Không ạ,

9. Thêm *thậm chí* vào chỗ thích hợp để thể hiện ý nhấn mạnh.

a) Cô Susan rất thích mặc áo dài và đội nón Việt Nam.

b) Anh John rất mê nghệ thuật chèo, tuồng Việt Nam.

c) David rất thích nước mắm Phú Quốc và tôm chua Huế.

d) Bé Bông đã biết tự phục vụ : tự uống nước, xúc cơm.

e) Bạn gái của Phương là Thanh Thủy không biết tự giặt quần áo.

10. Thêm từ *hơi* vào câu để thể hiện mức độ ít, một chút.

a) Chị Dung bất ngờ khi thấy Phương và Lân đến.

b) Bác Hoà bực vì con gái không về mà không nhắn tin cho mẹ.

c) Bác Mạnh phiền lòng vì anh Hưng không muốn theo nghề của bác.

d) Hôm nay, cụ Bằng và cụ Lý đều cảm thấy mệt vì thời tiết thay đổi.

e) Long buồn vì chủ nhật này không được ra bãi cát ven sông đá bóng.

11. Truyện vui sau có 10 chữ viết sai. Em hãy tìm những chữ viết sai và sửa lại cho đúng.

CUỐN SÁCH GHI NHỮNG CHUYỆN NGU NGỐC

Một nhà văn Tây Ban Nha soạn một cuốn sách rất giầy có tên gọi : *Những câu chuyện ngốc ngếch*.



1. Nối các từ ngữ sau với chủ đề thích hợp :

2. Điền từ ngữ thích hợp ở bài tập 1 vào chỗ trống để hoàn thành câu :

- Chúng ta cần tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại nhưng cũng phải chú ý dân tộc.
- Nhờ đi nước ngoài, nhà thiết kế thời trang Công Trí đã học hỏi được rất nhiều điều từ các nhà thiết kế thời trang nước bạn.
- Để đảm bảo sức khoẻ của người dân, cần quan tâm giải quyết các vấn đề (1) và (2)
- Kinh tế càng phát triển thì càng phải quan tâm phòng, chống (1) và (2)
- Trong khi vợ chồng bác Năm tiết kiệm từng xu thì cậu con trai rất

3. Đọc truyện sau :

VỊ SỨ THẦN THÔNG MINH

Nguyễn Duy Thì đi sứ nước Minh. Vua Minh muốn thử tài ông, bèn ra một câu đố :

– Có ba người là vua, thầy học và cha của ông cùng đi đò qua sông. Đến giữa dòng, đò bị đắm. Vậy ông sẽ cứu ai ?

Câu đố rất hóc hiểm. Nếu trả lời là cứu vua, sẽ bị buộc tội bất nghĩa, bất hiếu.



Trả lời là cứu cha, sẽ bị buộc tội bất trung, bất nghĩa. Trả lời là cứu thầy, sẽ bị buộc tội bất trung, bất hiếu. Nếu im lặng, sẽ bị buộc vào cả ba tội trên. Vua Minh đặc ý, tin chắc sứ thần Đại Việt phải chịu thua. Không ngờ, Duy Thi thần nhiên đáp :

– Nếu chẳng may như thế thì thần sẽ nhảy ngay xuống sông rồi gặp ai trước thì cứu người đó. Thần sẽ cố gắng lần lượt cứu được cả ba.

Vua Minh và cả triều đình đều thán phục vì câu trả lời của sứ thần thật hợp tình hợp lý.

Dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) *Bất nghĩa* là :

- ☐ Không yêu quý cha mẹ.
- ☐ Bội bạc với người đã làm ơn cho mình.
- ☐ Không trung thành với vua.

b) *Bất hiếu* là :

- ☐ Không yêu quý cha mẹ.
- ☐ Bội bạc với người đã làm ơn cho mình.
- ☐ Không trung thành với vua.

c) *Bất trung* là :

- ☐ Không yêu quý cha mẹ.
- ☐ Bội bạc với người đã làm ơn cho mình.
- ☐ Không trung thành với vua.

d) Em hiểu từ *đặc ý* trong câu “Vua Minh đặc ý, tin chắc sứ thần Đại Việt phải chịu thua.” như thế nào ?

- ☐ Là vui vẻ, thân mật tiếp sứ thần.
- ☐ Là nghĩ ra một câu đố hóc hiểm, rất khó trả lời.
- ☐ Là thích thú, tự hào về mình hoặc về điều mình đã làm.

4. Dựa vào nội dung truyện trên, trả lời câu hỏi :

a) Vì sao vua Minh ra một câu đố hóc hiểm cho sứ thần Việt Nam ? Câu đố đó như thế nào ?

.....

.....

.....

b) Nguyễn Duy Thì đã trả lời câu đố của vua Minh thế nào ?

.....

.....

c) Vì sao vua Minh và cả triều đình thần phục sứ thần Việt Nam ?

.....

.....

5. Điền cặp từ **vì ... nên, nếu ... thì** vào chỗ thích hợp.

M : Đến giữa dòng, đò bị đắm. Vậy ông sẽ cứu ai ?

→ **Nếu** đến giữa dòng, đò bị đắm **thì** ông sẽ cứu ai ?

a) Trả lời là cứu cha, sẽ bị buộc tội bất trung, bất nghĩa.

.....

b) Trả lời là cứu thầy, sẽ bị buộc tội bất trung, bất hiếu.

.....

c) Im lặng, không trả lời, sẽ bị buộc vào cả ba tội trên.

.....

d) Tin chắc sứ thần Đại Việt phải chịu thua, vua Minh rất đắc ý.

.....

6. Đọc truyện sau, trả lời câu hỏi :

CHIẾC CHÌA KHÓA HÒM THƯ



Một người đàn ông đi nghỉ hè ở một bãi biển trong hai tháng. Ông thuê một người đàn bà trông nom nhà cửa và dặn bà gửi cho ông tất cả thư từ mà bà nhận được trong thời gian ông đi vắng qua đường bưu điện.

Người đàn ông đã có một tháng nghỉ hè rất thoải mái nhưng ông ngạc nhiên vì không nhận được lá thư nào. Ông gọi điện cho người phụ nữ trông nhà, hỏi :

– Vì sao bà chẳng gửi cho tôi lá thư nào ?

– Vì ông đã không để lại cho tôi chìa khóa hòm thư. – Người đàn bà trả lời.

Người đàn ông xin lỗi và hứa sẽ gửi cho bà chìa khóa hòm thư. Ông cho chìa khóa vào một phong bì, viết địa chỉ nhà mình và gửi thư qua bưu điện. Một tháng nữa lại trôi qua, ông vẫn không nhận được một lá thư nào. Cuối tháng, ông về nhà, tức giận mắng người phụ nữ trông nhà. Nhưng bà ta bảo :

– Tôi làm gì được, nếu chìa khóa ông gửi cũng nằm trong cái hòm thư bị khóa ấy ?

Theo TRUYỆN VUI VÀ THƯ GIẢN BỐN PHƯƠNG

a) Chủ nhà đi nghỉ hè dặn người trông nhà điều gì ?

.....

b) Vì sao cả tháng trời, ông không nhận được lá thư nào ?

.....

c) Ông sửa sai như thế nào ?

.....

d) Vì sao, đến cuối kì nghỉ, ông vẫn không nhận được một lá thư nào ?

.....

7. Trả lời các câu hỏi sau, sử dụng từ *để* hoặc *nhằm* :

a) Vua Minh ra câu đố khó cho sứ thần Việt Nam để làm gì ?

.....

.....

b) Chiêu Linh thái hậu cho người đem vàng bạc đến biếu vợ Tô Hiến Thành nhằm mục đích gì ?

.....

.....

c) Ông chủ nhà cho chìa khóa vào một phong bì, viết địa chỉ nhà mình và gửi thư qua bưu điện để làm gì ?

.....

.....

d) Các hòm thư đều phải khóa để làm gì ?

.....

.....

8. Điền từ thích hợp vào chỗ trống (*cấp cứu, gọi, hốt hoảng, điện thoại, bệnh viện, sử dụng*) để hoàn chỉnh truyện vui sau :

ĐIỆN THOẠI CẤP CỨU

Thành phố (1) số điện thoại 115 để gọi xe cấp cứu. Một lần, có một phụ nữ lớn tuổi bị bệnh nặng tự lái xe đến (2) Khó khăn lắm, bà mới đi được từ bãi đỗ xe tới phòng cấp cứu.

Cô y tá (3) hỏi :

– Tại sao bác không (4) số 115 và xin một xe (5) ?

Bà ta trả lời :

– (6) của tôi chỉ có số 1 và số 5, không có số 11.

9. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B :

A

a) Nói mà không nghĩ
b) Tuổi cao mới tập chơi tennis
c) Xử tội nặng bọn buôn bán trẻ em
d) Ly cú ngồi máy vi tính trên 3 tiếng
e) Ngõ nhỏ này cứ có hai xe máy cùng đi

B

1) là đúng
2) là nói đại
3) là đau lưng
4) là tắc đường
5) là rất nguy hiểm

10. Dùng cụm từ **đời nào**, viết lại câu.

a) Sứ thần Việt Nam Nguyễn Duy Thì không chịu thua trước câu đố hóc hiểm của vua Minh.

.....

.....

b) Người phụ nữ giúp việc không phá khoá hòm thư để lấy thư gửi cho chủ nhà.

.....

.....

c) Chính quyền địa phương không cho phép săn bắt động vật hoang dã.

.....

d) Thức ăn quá hạn sử dụng không được phép bán cho người tiêu dùng.

.....

.....

11. Nối A với B để tìm cặp từ trái nghĩa :

A

a) chuyên nghiệp
b) rõ ràng
c) cá nhân
d) trực tiếp
e) thân thiện

B

1) mơ hồ
2) tập thể
3) gián tiếp
4) lạnh nhạt
5) nghiệp dư

12. Điền từ ở bài tập 11 vào chỗ trống để hoàn thành câu :

a) Sở dĩ các nhân viên không thực hiện đúng nhiệm vụ là do giám đốc giao việc không

- b) Ngày đầu tiên đi làm, tôi cảm thấy lo lắng, nhưng các đồng nghiệp rất với tôi, nên tôi nhanh chóng làm quen với môi trường mới.
- c) Tôi có hai số điện thoại. Một số ở văn phòng, còn đây là số điện thoại , dành cho người thân và bạn bè.
- d) Tại sao anh không hiểu nội dung hợp đồng này ? Theo tôi, hợp đồng này rất , đến trẻ con cũng hiểu được.
- e) Mặc dù Mai Linh là ca sĩ chuyên nghiệp nhưng tôi lại thích nghe những ca sĩ hát hơn.

13. Điền dấu thanh cho đúng :

BÀ ĐỖ CÓ GIỌNG NÓI DỄ NGHE



Chuột me sắp sinh con. Chuột me bao chuột bỏ đi tìm một bà đỡ có giọng nói dễ nghe. Chuột bỏ đi ngay. Đầu tiên nó gặp một bà đỡ la bo, nhưng nó thấy giọng của bo to quá. Sau đó nó gặp một bà đỡ la cho nhưng thấy giọng của cho vẫn khó nghe. Đi tiếp, nó gặp một bà đỡ la meo. Tiếng meo kêu “Meo ! Meo !” vừa nhẹ nhàng vừa êm ái. Chuột bỏ thích quá, mới ngay meo tới đỡ đẻ cho vợ nó.

Meo giả vờ bao chuột bỏ vào rừng tìm la thuốc. La thuốc này khó kiếm nên chuột bỏ phải đi rất lâu. Đến khi chuột bỏ trở về thì chuột me và chuột con đã bị meo ăn thịt.

14. Viết một vài câu về ý nghĩa của câu chuyện trên :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-BÀI 1. GIA ĐÌNH

1. Đọc truyện *Cha sẽ luôn ở bên con*, trả lời câu hỏi
 - a) Năm 1989, ở Armenia xảy ra một trận động đất lớn, làm chết hơn 30 000 người trong 4 phút.
 - b) Đến trường tìm con, người cha thấy ngôi trường chỉ còn là một đồng gạch.
 - c) Người cha vẫn đào bới đồng gạch để tìm con vì nhớ lời hứa luôn luôn ở bên con.
 - d) Khi mảng tường được lật lên, người cha bỗng nghe thấy tiếng con.
 - e) Cậu bé nói là nếu cha còn sống, nhất định cha sẽ đến cứu mình và các bạn.
 - g) Đáp án mở, ví dụ : Đó là một người cha giữ lời hứa, rất yêu con, làm tất cả mọi việc vì con.
2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại
 - (1) bố mẹ ; (2) Anh chị ; (3) các cháu ; (4) này ; (5) thím ;
 - (6) các cháu ; (7) Các cháu ; (8) thích ; (9) chị ; (10) ra
3. Dựa theo nội dung bài tập 2 hoàn thành các hội thoại. Ví dụ :
 - a) – Ở nhà, anh chị ăn Tết có vui không ạ ?
 - b) – Sao chú thím không đưa các cháu về ăn Tết ?
 - c) – Vâng, hè này chú thím về, ta đi Nha Trang nhé ?
 - d) – Tôi bị ngã, vào viện ít ngày. Bây giờ khỏe rồi, thím ạ.
4. Điền mỗi từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp
 - (1) phòng khách ; (2) rửa bát ; (3) tiếng ; (4) chờ ;
 - (5) làm vỡ ; (6) ông bố ; (7) cậu bé ; (8) nghe thấy
5. Chép lại các câu ca dao. Viết một đoạn văn cho biết em hiểu những câu đó thế nào.
Đáp án mở.
6. Điền từ **cả** vào chỗ thích hợp trong câu
 - a) Ba anh em đều bơi giỏi **cả**.
 - b) Trời lạnh, các cửa trong nhà đều đóng kín **cả**.
 - c) Ngày mùng Một Tết, các cửa hàng đều đóng cửa **cả**.
 - d) Năm người ăn cơm xong đều thích uống nước cam **cả**.
7. Dùng **nốt** đặt câu để hoàn thành hội thoại
 - a) Con ăn **nốt** đi.
 - b) Con làm **nốt** bài tập này đi.
 - c) Cô mua **nốt**, cháu bán rẻ cho.
 - d) Còn ít tiền Việt, chị tiêu (xài) **nốt** đi.
8. Đặt câu, sử dụng từ **cho** (chỉ mục đích)
 - a) Em đội cái mũ này **cho** khỏi lạnh đầu.
 - b) Con phải cố mà học **cho** giỏi.
 - c) Chúng ta nghỉ một tí **cho** đỡ mệt.
 - d) Cậu mở hết các cửa sổ **cho** sáng.
 - e) Chị uống một cốc nước chanh **cho** khỏi khát.
 - g) Hai em đi rửa mặt **cho** tỉnh ngủ.
 - h) Cậu đọc quyển truyện này **cho** đỡ buồn.

(Lưu ý : **cho** thường đi với tính từ, chỉ ý tốt.)
9. Dùng **đâu** (với nghĩa **không, chưa**) để hoàn thành các hội thoại.
 - a) – Con đã ăn sáng **đâu** ạ.
 - b) – Em đã mua báo cho ba **đâu**.
 - c) – Em đã nếm thử món ăn này **đâu**.
 - d) – Sáng nay mẹ có đi siêu thị **đâu**.
 - e) – Chị đã cho máy giặt chạy **đâu**.
10. Dùng cách nói **làm sao ...được** để diễn đạt lại các ý
 - a) Món ăn này cay quá, làm sao ăn được.

- b) Mẹ không mang đủ tiền, làm sao mua xe đạp cho con được.
c) Quyển truyện dày quá, 2 ngày làm sao đọc xong được.
d) Xe 4 chỗ làm sao chở 6 người được.
11. Dùng **mà** (=nhưng), trả lời câu hỏi. Đáp án mở, ví dụ :
a) Chị ấy không đi xem kịch **mà** đi xem phim.
b) Cháu không lấy cái mũ đỏ **mà** lấy cái mũ xanh.
c) Em không thích ăn khoai tây rán **mà** thích ăn bánh mì.
d) Tớ không đi biển **mà** đi leo núi.
12. Dùng **mà** (= để), đặt câu với từ ngữ đã cho. Đáp án mở, ví dụ :
a) Đĩa DVD trên giá, em lấy **mà** xem. / Anh có nhiều đĩa DVD lắm, em lấy **mà** xem.
b) Quyển truyện này hay lắm, em cầm **mà** đọc. / Em thích quyển truyện này à ? Cầm về **mà** đọc.
c) Cậu lấy xe đạp **mà** về, mai trả tớ cũng được.
d) Thuốc ho này tốt lắm, em lấy **mà** uống.
13. Dùng **ai cũng** thay cho từ ngữ in đậm để diễn đạt lại các ý sau :
a) Trong bữa ăn, nó nói nhiều quá, **ai cũng** khó chịu.
b) Cháu bé xinh quá, **ai cũng** yêu quý nó.
c) Cuộc picnic hôm qua rất thú vị, **ai cũng** thích.
d) Bão sắp về, **ai cũng** lo lắng.
14. Viết một đoạn văn kể về một người thân trong gia đình em. Đáp án mở.

BÀI 2. CỘNG ĐỒNG

1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh truyện *Chuỗi ngọc lam*
(1) tìm ; (2) xem ; (3) kêu lên ; (4) ngạc nhiên ; (5) tặng ; (6) bao nhiêu ; (7) giá tiền ;
(8) gói ; (9) tai nạn ; (10) buồn ; (11) mở ; (12) ngọc ; (13) rất cao ; (14) chúc ; (15) cùng nhau
2. Đọc lại truyện *Chuỗi ngọc lam*, trả lời câu hỏi
a) Cô bé Joanne mua chuỗi ngọc lam để tặng chị gái. Joanne không có đủ tiền mua chuỗi ngọc. Chị tiết Pierre bỏ tờ giấy ghi giá tiền trước khi đưa chuỗi ngọc cho cô bé cho biết điều đó.
b) Chị của Joanne tìm Pierre để hỏi có đúng Joanne mua ngọc ở tiệm của Pierre không ? Chuỗi ngọc có phải ngọc thật không ? Giá tiền chuỗi ngọc là bao nhiêu ? Chị của Joanne muốn trả lại chuỗi ngọc.
c) Pierre nói Joanne đã trả giá rất cao vì Joanne đã mua chuỗi ngọc bằng tất cả tiền để dành.
d) Đáp án mở. Ví dụ : Các nhân vật trong câu chuyện đều là những người nhân hậu, tốt bụng, biết sống vì nhau, biết đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho nhau.
3. Điền từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh truyện vui *Tại cù không hỏi*
(1) chủ nhà ; (2) cảm ơn ; (3) đi xe ; (4) đi bộ ; (5) hỏi ; (6) mở mồm ;
(7) khách ; (8) mời ; (9) sắp đến ; (10) cơm canh ; (11) xin lỗi ; (12) dám
4. Điền mỗi từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành câu
a) khách ; b) chủ / chủ nhà ; c) hàng xóm ; d) lớp ; e) bạn bè ; g) phố phường ; h) xã
5. Dùng **không ... gì cả, chẳng ai ... cả, không ... đâu cả**, viết tiếp câu. Đáp án mở, ví dụ :
a) ... không làm gì cả. b) ... không đi đâu cả.
c) ... chẳng nói gì cả. d) ... không biết gì cả. e) ... chẳng ai ăn cả.
6. Dùng **tự ... lấy**, diễn đạt lại các câu hoặc vẽ câu được in nghiêng.
a) (...). Anh tôi tự chữa xe lấy.
b) (...). Nó thường tự giặt lấy quần áo của mình.
c) ... bố tôi thường tự cắt cỏ lấy.
d) Anh ấy tự học đàn lấy...
7. Dùng **vẫn** đặt câu theo mẫu. Đáp án mở, ví dụ :
a) Đã quá 12 giờ đêm mà em tôi **vẫn** xem tivi.
b) 10 giờ sáng rồi nhưng nó **vẫn** ngủ.

- c) Chị ấy uống thuốc hai ngày rồi mà *vẫn* còn sốt.
 d) Tôi đã mang thêm 500 đô la mà *vẫn* thiếu tiền.
 e) Tôi đã cố gắng hết sức nhưng *vẫn* không làm được bài tập này.
8. Dùng **nữa**, viết tiếp câu. Ví dụ :
 a) ... bạn sẽ không cho (em) mượn (sách) *nữa*.
 b) ... không đợi bạn ấy *nữa*.
 c) ... khuyên cậu ấy thêm lần *nữa*.
 d) ... muốn tập *nữa*.
9. Nối về câu ở bên A thích hợp với về câu ở bên B
 a – 5 ; b – 3 ; c – 1 ; d – 2 ; e – 4
10. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành câu :
 a) ... Thầy giáo yêu cầu bạn ấy viết lại.
 b) ... Chiều, bố lại uống.
 c) Hôm nay, cậu ấy lại được điểm 10.
 d) ... Tổ muốn xem lại.
 e) ... Cậu nói lại lần nữa được không ?
11. Điền **đây, đấy, chứ** vào chỗ thích hợp để hoàn thành bài hội thoại
 (1) **đấy** ; (2) **đấy** ; (3) **chứ** ; (4) **chứ** ; (5) **đấy** ; (6) **chứ** ; (7) **đấy** ;
 (8) **đây** ; (9) **đấy** ; (10) **chứ** / **đây** / **đấy** ; (11) **đấy** ; (12) **đây**
12. Dựa vào hội thoại (ở bài tập 10), trả lời câu hỏi :
 a) Chùa thì thờ Phật, ngoài ra còn thờ các vị sư tổ. Đền thì thờ Thánh. Miếu thì thờ Thần. Nhà thờ thì thờ Chúa. Đình làng thờ Thành hoàng. Nhà thờ họ thờ tổ tiên, ông bà.
 b) Chùa Yên Tử thờ Phật và thờ các vị sư tổ là Vua Trần Nhân Tông, Hòa thượng Pháp Loa, Hòa thượng Huyền Quang.
 c) Khi làm vua, Trần Nhân Tông đã lãnh đạo quân dân hai lần đánh thắng quân Nguyên.
 d) Sau khi nhường ngôi cho con, Trần Nhân Tông đến núi Yên Tử tu và lập ra môn phái Trúc Lâm Việt Nam.
13. Dùng **chứ** viết lại câu
 a) Con định đi đánh bóng bàn *chứ* không đi bơi.
 b) Em sẽ học piano *chứ* không học violon.
 c) Tôi định đi máy bay *chứ* không đi tàu hỏa.
 d) Thể thao còn giúp người ta rèn luyện ý chí *chứ* không chỉ rèn luyện sức khỏe.
 e) Phim đó chỉ có nhiều cảnh đẹp *chứ* nội dung không hay.
 (Chú ý là **chứ** chỉ ý trái ngược, và sau **chứ** bao giờ cũng có từ **không**).
14. Dùng **mới được**, viết lại câu.
 (Chú ý : **mới được** thể hiện quyết tâm làm điều gì cho đến khi đạt được mục đích mới thôi. Người ta thường dùng **mới được** để nói về việc xảy ra trong tương lai. **Mới được** thường dùng trong lời nói trực tiếp - thuật lại nguyên văn lời nói của nhân vật).
 a) Kỳ thi này, tớ nhất định phải đạt điểm cao *mới được*.
 b) Lần này, tớ phải chạy đủ 1 500 mét *mới được*.
 c) Anh Quân bảo hè này phải học đua thuyền để giỏi như mấy anh bạn cùng lớp *mới được*.
 d) Má tớ nói Tết này phải về Việt Nam thăm họ hàng *mới được*.
15. Viết một đoạn văn kể về một sinh hoạt cộng đồng ở nơi em học tập, sinh sống. Đáp án mở.

BÀI 3. NÔNG THÔN

1. Xếp các từ ngữ đã cho vào bảng

– Sự vật chỉ có ở nông thôn : mái đình, nhà tranh, ruộng bậc thang, cánh đồng, vườn cây, ao cá, cầu khỉ, làng nghề, cổng làng.

- Sự vật chỉ có ở thành thị : siêu thị, công viên, cao ốc.
- Sự vật ở nông thôn, thành thị đều có : chợ, nhà văn hoá, dòng sông, chùa, sân vận động, trường học.

2. Đọc truyện *Báo và Ốc Sên*, trả lời câu hỏi

- a – ô1 ; b – ô2 ; c – ô1 ; d – ô3 ; e – ô3

3. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm *là*.

- a – 5 ; b – 1 ; c – 2 ; d – 3 ; e – 4

4. Thêm vào những từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu có *thì ... thì ...*. Đáp án mở, ví dụ :

- a) Ở Bắc Trung Bộ, mùa hè *thì* nóng, mùa đông *thì* lạnh.
- b) Công viên này ngày thường *thì* rất vắng, ngày nghỉ *thì* đông.
- c) Sân trường ban ngày *thì* ồn ào tiếng nói cười, ban đêm *thì* yên tĩnh, vắng vẻ.
- d) Bầu trời lúc mưa *thì* tối, lúc nắng *thì* xanh trong.
- e) Không khí mùa hè buổi sáng *thì* mát mẻ, buổi trưa *thì* nóng bức.

5. Đặt câu với các cặp từ *chỉ ... đã, mới ... đã, vừa ... đã, chưa ... đã*. Đáp án mở, ví dụ :

- a) Tôi *chỉ* đọc vài dòng *đã* thấy cuốn sách này hay.
- b) Hai bạn *mới* gặp nhau lần đầu *đã* thấy thân thiết, gần bó.
- c) Em *vừa* xa mẹ *đã* thấy nhớ mẹ quá.
- d) *Chưa* về đến làng, tôi *đã* nhìn thấy cổng làng từ phía xa.

6. Đặt câu với *vài, dăm, mấy, mỗi, chút*. Đáp án mở, ví dụ :

- a) Trên bàn chỉ có *dăm* quyển sách.
- b) *Mấy* chú chim đang bắt sâu trên bãi cỏ trước nhà.
- c) *Mỗi* sáng tôi lại đi trên con đường quen thuộc để đến trường.
- d) *Chút* nắng giữa mùa đông làm không gian như ấm hẳn lên.

7. Chuyển đổi câu theo mẫu, sử dụng từ *được*.

- a) Ngôi trường mới *được* (người ta) xây trên nền trường cũ.
- b) Con tàu đã *được* (công ti) sửa chữa sau khi mắc cạn.
- c) Em *được* mẹ dẫn đi chơi công viên vào kì nghỉ cuối tuần.
- d) Tôi *được* ông thị trưởng mời đi thăm thành phố.
- e) Món ăn này *được* người đầu bếp giỏi nhất thành phố nấu.

8. Nhìn tranh, giới thiệu vài nét về làng nghề truyền thống trong mỗi tranh.

Đáp án mở. Ví dụ, giới thiệu về làng nghề mây tre đan : Làng nghề mây tre đan là một làng nghề độc đáo ở làng quê Việt Nam. Cây tre, cây mây là những loại cây mọc rất nhiều ở nông thôn. Người nông dân thường chặt mây, tre về rồi chẻ nhỏ, vót nhọn, đan thành rổ, rá, làn, đĩa,... Các đồ vật đan từ mây tre có thể dùng trong sinh hoạt gia đình hoặc làm đồ lưu niệm. Khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam rất thích các đồ làm từ mây, tre.

9. Hoàn thành câu theo mẫu. Đáp án mở, ví dụ :

- a) Nếu bạn đọc cuốn sách này thì *sẽ hiểu nông thôn Việt Nam*.
- b) *Nếu cuối tuần anh không bận* thì chúng ta sẽ cùng đi du lịch.
- c) Nếu em chưa học xong bài thì *đừng đi chơi*.
- d) *Nếu chị mệt quá* thì hãy nghe một bản nhạc.
- e) Nếu em chơi điện tử nhiều quá *thì sẽ rất có hại cho mắt*.
- g) *Nếu mai cháu rỗi* thì hãy đến nhà bác chơi nhé.

10. Đặt câu với từ đã cho theo mẫu. Đáp án mở, ví dụ :

- a) Đêm nay trời nhiều sao. *Có thể* ngày mai sẽ nắng.
- b) *Chắc chắn* mình đã gặp bạn ở đâu rồi.
- c) Có tiếng xe máy, *có lẽ* chú Ninh đến.
- d) Trông mẹ rất mệt. *Chắc hẳn* tối qua mẹ mất ngủ vì em bé ốm.

11. Hoàn thành câu theo mẫu. Đáp án mở, ví dụ :
- a) Đây không phải là chùa, mà là *một ngôi đền*.
 - b) Đó không phải là ao, mà là *giếng làng*.
 - c) Đó không phải là tranh sơn dầu, mà là *tranh sơn mài*.
 - d) Đó không phải là quan họ, mà là *chèo*.
 - e) Đó không phải là sông Vàm Cỏ Đông, mà là *sông Vàm Cỏ Tây*.
12. Xem tranh, ảnh sử dụng các từ ngữ *ôi, ối, ồ, eo ôi, trời ơi, trời đất ơi, cha mẹ ơi* để nhận xét về mỗi hình ảnh. Đáp án mở, ví dụ :
- b) Ối chao ôi, sao mặt em bẩn thế này. / Trời ơi, mặt em sao bẩn thế !
 - c) Ối, nguy hiểm quá ! / Trời đất ơi ! Cẩn thận kẻo ngã đấy !
 - d) Ồ ! Con chó đi xe đạp trông ngộ quá ! / Ôi chao, chó đi xe đạp. Hay quá !
 - e) Cha mẹ ơi ! Nguy hiểm quá ! / Eo ôi ! Con rấn sợ quá !
 - g) Ồ, toà nhà to đẹp quá ! / Ôi chao, toà nhà đồ sộ quá !
13. Điền từ ngữ thích hợp để hoàn thành truyện vui
- (1) hấp tấp ; (2) bếp lửa ; (3) suy nghĩ ; (4) vô cùng quan trọng ; (5) hết
14. Hãy viết một bài văn ngắn tả một cảnh đẹp ở vùng nông thôn của nước em sinh sống.
- Đáp án mở.

BÀI 4. ĐÔ THỊ

1. Xem ảnh, viết một vài câu giới thiệu cảnh đẹp của đô thị Việt Nam qua một tấm ảnh.
- Đáp án mở. Ví dụ, giới thiệu về Đà Nẵng : Đà Nẵng là một thành phố nằm ở miền Trung của Việt Nam. Thành phố nằm dọc hai bờ sông Hàn. Cây cầu bắc qua sông Hàn đem lại một nét đẹp cho thành phố, nhất là khi đêm xuống, cả khúc sông rực rỡ sắc màu của những ngọn đèn từ trên cầu chiếu xuống. Đà Nẵng là một thành phố trẻ, đang phát triển, trở thành một đô thị năng động của Việt Nam.
2. Viết tên thủ đô (thành phố), tên nước bên mỗi tên địa danh
- b – 1 : Cung điện Buckingham (London, Anh)
 - c – 6 : That Luang (Vientiane, Lào)
 - d – 8 : Pháo đài Machu Picchu (Lima, Peru)
 - e – 7 : Bảo tàng Metropolitan (New York, Mĩ)
 - g – 4 : Bảo tàng Hermitage (Saint Petersburg, Nga)
 - h – 3 : Khải hoàn môn Paris (Paris, Pháp)
 - i – 2 : Tượng Chúa Giêsu (Rio de Janeiro, Brasil)
3. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm **như**
- a – 5 ; b – 4 ; c – 3 ; d – 2 ; e – 1
4. Trong những cách nói đã cho, cách nói không phù hợp : câu b, e
5. Hoàn thành câu theo mẫu. Đáp án mở, ví dụ :
- a) Mỗi khi nhớ về làng quê, tôi nhớ cả *cây đa, giếng nước, mái trường tiểu học*.
 - b) Đứng trên đỉnh núi cao, tôi thấy cả *bầu trời và dòng sông trước mặt*.
 - c) Khi rồi, tôi đọc cả *những mẩu truyện vui trên báo*.
 - d) Tôi yêu trường tôi, yêu cả *gốc phượng tôi thường ngồi khi ra chơi*.
 - e) Tôi hiểu cả *những điều bạn chưa nói hết*.
6. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B, thêm **miễn là**
- a – 1 ; b – 4 ; c – 5 ; d – 3 ; e – 2
7. Điền các từ **đã, sẽ, sắp, đang** vào chỗ trống thích hợp
- (1) đang ; (2) sắp ; (3) sẽ ; (4) đã ; (5) sẽ ; (6) sẽ ; (7) sẽ ; (8) đã ; (9) sẽ ; (10) sẽ ; (11) đang
8. Thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu. Đáp án mở. Ví dụ :
- a) Hiểu biết ; b) Khó khăn / Khuyên bảo ; c) Giải thích / Nói ;
 - d) Giỏi / Thông minh / Giàu có ; e) Xa cách

9. Hoàn thành câu với **ước gì**. Đáp án mở. Ví dụ :

- a) (...). Ước gì chúng em luôn được vui chơi dưới những bóng cây xanh.
- b) (...). Ước gì có nhiều công viên cho trẻ em vui chơi.
- c) (...). Ước gì mỗi sáng lại được nghe tiếng hót của các loài chim.
- d) (...). Ước gì sáng mai thức dậy đã thấy ngay một cây cầu mới.
- e) (...). Ước gì tôi có thể vẽ một bức tranh thật đẹp để dự thi.

10. Chuyển đổi câu theo mẫu

- a) Cứ thứ hai là lớp tôi lại có giờ vẽ tự do.
- b) Cứ tan học là sân trường lại ồn ào, náo nhiệt.
- c) Cứ tan tầm là đường phố lại bị kẹt xe.
- d) Cứ năm phút là lại có chuyến máy bay cất cánh.

11. Điền vào chỗ trống các từ **có thể**, **chỉ**, **phải** để hoàn thành truyện vui.

(1) phải ; (2) có thể ; (3) chỉ

12. Viết tiếp để hoàn thành câu. Đáp án mở. Ví dụ :

- a) Đội tuyển robot của trường ta đoạt giải là nhờ *sự cố gắng của tất cả các thành viên*.
- b) Đường phố bị ngập nước là bởi *mưa quá to*.
- c) Hôm qua em bị cảm lạnh là vì *không mặc áo ấm*.
- d) Xe máy không khởi động được là do *hết xăng*.

13. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu một trong những đô thị.

Đáp án mở. Ví dụ, giới thiệu thành phố Paris, thủ đô nước Pháp : Paris, thủ đô nước Pháp, là một thành phố đẹp nổi tiếng thế giới. Nơi đây có dòng sông Seine thơ mộng chảy qua thành phố. Paris có tháp Eiffel là biểu tượng của nước Pháp, có Khải hoàn môn là một địa điểm du lịch hấp dẫn, có những toà nhà cao tầng, những con đường rộng với những thảm cỏ xanh. Du khách đến Paris đều mong muốn được trèo lên đỉnh tháp Eiffel để ngắm nhìn toàn cảnh thành phố.

BÀI 5. MÔI TRƯỜNG

1. Đọc tin *Sách đỏ Việt Nam*, đánh dấu ☒ vào ☐ trước câu trả lời đúng

a – ô2 (365 loài) ; b – ô1 (356 loài)

c : c1 – ô3 (857 loài động vật, 450 loài thực vật) ; c2 – ô1 (6 loài) ; c3 – ô1 (46 loài)

2. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên một loài động vật

a) quạ ; b) bướm ; c) cua biển ; d) rùa

e) dê ; g) cừu ; h) dơi ; i) khỉ

k) *Chim kền kền* ở Mỹ chỉ còn 70 con.

l) *Gấu trúc* Trung Quốc còn khoảng 700 con.

m) *Cá heo xanh* Nam Cực chỉ còn 500 con.

(Chim kền kền ở Mỹ, gấu trúc Trung Quốc, cá heo xanh Nam Cực là những động vật quý hiếm trên thế giới).

3. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên một loài cây

a) cây tre ; b) cây cau ; c) cây si ; d) cây thông ;

e) cây dừa ; g) cây trầm hương ; h) cây trắc ; i) cây kơ-nia ;

k) cây bàng ; l) cây đào ; m) cây hoa hồng ; n) cây hoa phong lan

(Cây trầm hương, cây trắc, cây kơ-nia : là những loài cây quý hiếm ở Việt Nam).

4. Sắp xếp lại thứ tự các câu văn bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu để tạo thành mẩu chuyện hoàn chỉnh

1 – 3 – 2 – 8 – 4 – 6 – 5 – 7

5. Điền từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh truyện vui *Nấm không độc*

(1) hái ; (2) hàng xóm ; (3) biếu ; (4) Cảm ơn ; (5) ngon ;

(6) bất cứ ai ; (7) đau bụng ; (8) reo lên ; (9) độc

6. Điền mỗi từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh bản tin

- (1) liên quan ; (2) môi trường ; (3) độc hại ; (4) công cộng ;
(5) phạt ; (6) cao nhất ; (7) nộp ; (8) độc hại

7. Đặt câu có cụm từ **một trong những**

a) *Một trong những* con sông lớn nhất thế giới là sông Mê Kông. / Sông Mê Kông là *một trong những* con sông lớn nhất thế giới.

b) *Một trong những* biện pháp ứng phó của người dân đồng bằng sông Cửu Long là sống chung với lũ. / Sống chung với lũ là *một trong những* biện pháp ứng phó của....

c) *Một trong những* biện pháp tăng năng suất lúa là phát triển thủy lợi. / Phát triển thủy lợi là *một trong những* biện pháp....

d) *Một trong những* nguyên nhân khiến thiệt hại do bão gây ra ở thị trấn này rất nặng là người dân không chuẩn bị để phòng bão. / Người dân không chuẩn bị để phòng bão là *một trong những* nguyên nhân khiến....

e) *Một trong những* phụ nữ giàu lòng nhân ái ở “mái ấm” Lam Hồng là mẹ Thanh. / Mẹ Thanh là *một trong những* phụ nữ...

g) *Một trong những* trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già không nơi nương tựa là Trung tâm Bông Sen. / Trung tâm Bông Sen là *một trong những* trung tâm...

8. Sử dụng từ **trừ**, đặt câu với từ ngữ đã cho theo mẫu

a) **Trừ** sông Hồng là con sông lớn chảy qua Hà Nội, các sông khác (Kim Ngưu, Tô Lịch, sông Nhuệ) đều bị ô nhiễm nặng.

b) **Trừ** con đường đất vào làng tôi gồ ghề và nhỏ hẹp, các đường giao thông ở huyện này đều rộng rãi, sạch đẹp vì đã được trải nhựa.

c) **Trừ** gia đình bác Cả có hai con trai, gia đình của chú Ba, chú Tư và thím Năm đều sinh hai con gái.

d) **Trừ** chuối và ổi, tất cả các hoa quả khác Thu đều thích.

9. Điền vào chỗ trống **trừ** hoặc **bất kể**

- a) trừ b) Bất kể c) (1) trừ ; (2) bất kể d) (1) Bất kể ; (2) trừ

10. Viết tiếp để hoàn thành câu

a) Với một mảnh vườn nhỏ, *Mai đã trồng được những cây hoa rất đẹp.*

b) Với mong muốn giữ sạch đẹp xóm làng, *mỗi tuần bọn trẻ xóm tôi lại quét đường làng một lần.*

c) Với 11 giải thưởng tại cuộc thi “Chúng em bảo vệ môi trường”, *chúng tôi rất tự hào về lớp mình.*

d) Với những thông tin cụ thể, cập nhật về các loài động vật và thực vật bị giảm số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, *người dân càng có ý thức bảo vệ môi trường.*

11. Viết tiếp để hoàn thành câu. Đáp án mở. Ví dụ :

a) La Nina là hiện tượng thời tiết bất thường khiến *những nơi vốn khô hạn càng hạn nặng, những nơi vốn nhiều mưa lũ càng mưa lũ nhiều hơn.*

b) Mưa nhiều ngày cùng với nước lũ từ trên rừng đổ về khiến *thị trấn này ngập trong nước.*

c) Cuộc sống trong môi trường ô nhiễm khiến *mấy đứa con của bác Lụa rất gầy và xanh.*

d) Leo núi mấy tiếng đồng hồ dưới trời nắng khiến *các vận động viên leo núi vừa đói vừa khát.*

e) Ba cậu con trai vừa hư vừa lười, chẳng chịu làm, chẳng chịu học khiến *bố mẹ rất đau đầu.*

12. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm

a) Vì sao giá gạo trong thành phố bỗng đắt lên ?

b) Do đâu (Vì sao) Thuý An bị cảm nặng, phải nghỉ học suốt tuần ?

c) Vì sao mấy ngày này, người dân ở khắp miền đất nước đổ về Sa Pa ?

d) Nhờ đâu dòng suối Yến vẫn giữ được vẻ đẹp suốt mùa lễ hội chùa Hương ?

e) Nhờ đâu người dân ở thành phố Vinh (Nghệ An) không bị thiệt hại nhiều do bão ?

13. Đặt câu có cặp từ **càng ... càng ...**

a) Con người càng chặt cây, phá rừng, lũ lụt càng nhiều.

b) Nước thải công nghiệp càng chảy nhiều ra sông, dòng sông càng ô nhiễm.

- c) Bà mẹ càng yêu thương, chăm sóc các con, các con càng chăm ngoan, học giỏi.
 d) Hàng hoá của nhà máy càng bán được nhiều, thu nhập của công nhân càng cao.
14. Tìm 16 chữ viết sai chính tả trong bài *Núi và lịch sử*, sửa lại cho đúng
- 1) (thay) đổi → đổi ; nhiều → nhiều ; (phía) Tây → Tây ; dải (núi) → dãy
 2) (đi) lạy → lại ; (người La Mã) cổ → cổ ; bên giới → biên giới ; chiến chanh → chiến tranh
 3) (không khí) mát → mát ; (bên) cia → kia ; (ven) biển → biển ; đất (bị khô hạn) → đất
 4) thiên nhên → thiên nhiên ; khoáng sảng → khoáng sản ; (nước) chải → chảy ;
 mái móc → máy móc
15. Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn theo 1 trong 2 đề đã cho. Đáp án mở.

BÀI 6. PHONG TỤC

1. Những câu đã cho đúng hay sai ? Nếu sai, sửa lại cho đúng.
 a : Sai (Sửa : Còn nhỏ được cha chăm sóc, về già thì dựa vào con).
 b, c : Đúng
 d : Sai (Sửa : Là bữa tiệc mọi người tổ chức để chúc thọ các cụ già).
 e : Đúng.
2. Nối từ ngữ ở bên cột A với từ ngữ gần nghĩa ở cột B
 a – 2; b – 5; c – 4; d – 1; e – 3
3. Tìm từ trái nghĩa với các từ đã cho
 b) coi thường ; c) buồn bã ; d) đơn giản ; e) hiếm khi
4. Điền mỗi từ đã cho vào chỗ trống thích hợp
 a) nghĩa vụ ; b) lúng túng ; c) dịp ; d) thậm chí ; e) hiểu thảo ; g) thói quen
5. Đọc bài *Bữa cơm gia đình Việt Nam*, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng.
 ô1 : Đúng ; ô2 : Sai ; ô3 : Đúng ; ô4 : Sai ; ô5 : Đúng
6. Dựa vào bài đọc, giải thích ý nghĩa của các từ ngữ sau :
 a) Nước chấm : nước dùng để chấm rau, cá, thịt... Gồm : nước mắm, tương, xì dầu,...
 b) Chan : cho canh vào cơm để ăn.
 c) Nặng bụng : cảm thấy mệt vì ăn no và nhiều thức ăn khó tiêu hóa.
 d) Canh thập cẩm : canh có cả cá, thịt lẫn rau và một số gia vị khác.
7. Dựa vào bài đọc, trả lời câu hỏi
 a) Vì bữa cơm gia đình được nấu với nhiều loại thức ăn, nhiều gia vị, rất ngon lành.
 b) Đó là cách nói khiêm tốn của người Việt Nam.
 c) Khi ăn canh, người Việt Nam có thói quen chan canh vào cơm.
 d) Vì đó là thời gian cả gia đình sum họp đông đủ, cùng ăn cơm vui vẻ.
8. Viết tiếp câu theo mẫu
 a) nhạt ; b) ngọt ; c) chua ; d) cay ; e) béo ; g) ngon
9. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên món ăn và thực phẩm
 a) gà rán ; b) cá rán ; c) tôm rán ; d) cua hấp ; e) trứng ;
 g) đậu phụ ; h) bánh bao hấp ; i) nấm ; k) ớt ; l) tỏi ;
 m) ngô ; n) khoai lang nướng ; o) dưa hấu ; p) cam ; q) lá trầu và quả cau
10. Dùng **cả ... lẫn ...**, đặt câu nói về các món ăn hoặc thực phẩm ở bài tập 9. Đáp án mở. Ví dụ :
 b) Mẹ đi chợ mua cả gà lẫn cá.
 c) Cả tỏi lẫn ớt đều tốt cho sức khỏe.
 d) Bữa cơm hôm nay có cả món đậu phụ rán lẫn nấm xào.
 e) Mẹ đi chợ mua cả ngô luộc lẫn khoai lang nướng là hai món bố thích nhất.
 g) Sau bữa trưa, mọi người được ăn cả dưa hấu lẫn cam.
 h) Bữa ăn hôm nay có cả trứng rán lẫn bánh bao.
 i) Mẹ bày lên mâm cơm mâm cúng bà nội cả các món ăn lẫn đĩa trầu cau.

11. Dùng **cứ ... là ...** để nói về các món ăn đặc sản của các vùng
- b) Cứ đến Hà Nội là phải ăn phở.
 - c) Cứ đến Nam Bộ là được ăn canh chua cá lóc.
 - d) Cứ đến Hội An là phải ăn cao lầu.
 - e) Cứ đến Đà Nẵng là phải ăn mì Quảng.
 - g) Cứ đến Hải Phòng là phải ăn bánh đa cua.
 - h) Cứ đến Sa Pa là được ăn gà đen.
 - i) Cứ đến Huế là phải ăn bún bò.
12. Dùng **giá ... thì ...** để nói về mong muốn
- a) Giá Sơn được đi Nha Trang thì Sơn sẽ tắm biển, ăn bún cá và đi chơi ở Vinpearland.
 - b) Giá Hùng được đi Đà Nẵng thì Hùng sẽ ngắm sông Hàn, thăm biển Mỹ Khê và ngắm những ngôi nhà cổ ở Hội An.
 - c) Giá John được đi Hà Nội thì John sẽ xem hồ Hoàn Kiếm, thăm làng gốm Bát Tràng và ăn phở.
 - d) Giá Mai được đi Huế thì Mai sẽ ngắm sông Hương, núi Ngự, thăm các di tích lịch sử và ăn bún bò, cơm hến, bánh xèo.
 - e) Giá chị Loan được đi Nam Bộ thì chị sẽ đi xuống trên sông Cửu Long, ăn trái cây và ăn canh chua cá lóc.
13. Dùng **làm sao (mà) ...** để nói về các tình huống.
- a) Hết vé rồi, làm sao mà Phương đi Sa Pa được !
 - b) Chị Loan phải nằm viện một tháng, làm sao mà đi du lịch Nam Bộ vào tuần sau được !
 - c) Nhà hàng Huế đóng cửa rồi, Mai làm sao mà ăn bún bò Huế được !
 - d) Đang có bão to, làm sao Quân đi ra đảo Vinpearland được !
14. Viết một bài ngắn về thói quen ăn uống trong gia đình em. Đáp án mở.

BÀI 7. LỊCH SỬ

1. Viết những điều em biết về một trong các nhân vật lịch sử. Đáp án mở.
2. Viết dưới mỗi tấm ảnh tên di vật, di tích, địa danh lịch sử. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu một di vật, di tích hoặc địa danh.
- Tên di vật, di tích, địa danh lịch sử : a) Đền Quán Thánh (Trần Vũ quán, Hà Nội) ; b) Đền Hùng ; c) Đền Đô ; d) Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, e) Mũi tên đồng Cổ Loa ; g) Chùa Đồng (Yên Tử)
 - Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu một di vật, di tích hoặc địa danh. Đáp án mở.
3. Sắp xếp lại các câu bằng cách đánh số thứ tự vào các ☐ để hoàn thành hội thoại
- 3 – 2 – 6 – 5 – 1 – 4
4. Điền từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh bài *Đô đốc Bùi Thị Xuân*
- (1) quê ; (2) đánh nhau ; (3) chữa ; (4) chiến thắng ; (5) dẫn theo ;
(6) qua đời ; (7) chiếm lại ; (8) chỉ huy ; (9) mạnh ; (10) hành hình
5. Trả lời câu hỏi
- a) Bùi Thị Xuân quê ở làng Phú Xuân (Bình Phú, Bình Khê), nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Bà là cháu thái sư Bùi Đắc Tuyên, là vợ danh tướng Trần Quang Diệu. Bà xinh đẹp, từ nhỏ đã giỏi võ nghệ.
 - b) Bùi Thị Xuân gặp Trần Quang Diệu khi Quang Diệu đang đánh nhau với một con hổ dữ. Bà rút kiếm xông vào đánh giúp. Sau đó đưa Quang Diệu về nhà chữa vết thương, rồi hai người nên nghĩa vợ chồng.
 - c) Vợ chồng Bà cùng về dưới cờ Tây Sơn, trở thành những tướng lĩnh tài giỏi, góp công lớn trong công cuộc đánh đuổi quân Thanh làm nên chiến thắng Đống Đa. Sau khi vua Quang Trung mất, vợ chồng Bà ra sức bảo vệ triều đại Tây Sơn.
 - d) Bị đưa ra pháp trường, trước cái chết, thái độ của bà rất bình thản. Bà tỏ rõ khí phách của một nữ tướng.
6. Điền từ ngữ chỉ thời gian thích hợp với mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh truyện *Cân voi*.
- (1) dưới thời ; (2) Một lần ; (3) Sau đó ; (4) rồi ; (5) Khi

7. Dựa vào nội dung truyện *Cân voi*, trả lời câu hỏi :
- Lương Thế Vinh sống dưới thời vua Lê Thánh Tông.
 - Ông được gọi là “Trạng Lường” vì nổi tiếng là người giỏi tính toán.
 - Sứ thần Trung Hoa nhờ ông cân hộ con voi.
 - Thời đó chưa có một chiếc cân to để cân voi.
 - Lương Thế Vinh sai lính dắt voi xuống thuyền, đánh dấu mức chìm của thuyền. Sau đó, ông bảo đưa voi lên bờ rồi xếp đá vào thuyền. Khi thuyền chìm đến mức đã đánh dấu, ông sai cân chỗ đá ấy, nhờ đó biết voi nặng bao nhiêu.
8. Nối vế câu ở bên A với vế câu thích hợp ở bên B để hoàn thành câu.
- a – 2 ; b – 1 ; c – 4 ; d – 3
9. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu.
- a) (1) có , (2) có ; b) xuất hiện ; c) hiện ra ; d) có / bày ; e) mọc lên ; g) xuất hiện
10. Thêm từ **cả** vào câu để nhấn mạnh.
- Quân dân nước Việt đã đánh thắng **cả** quân Nguyên hùng mạnh.
 - Hùng và Nam đã làm được **cả** những bài toán rất khó.
 - Cả** hai anh em Hồng Anh và Minh Huy đều đoạt giải võ thuật.
 - Đi du lịch Huế, Sơn và Vân được đến thăm **cả** chùa Thiên Mụ.
11. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu in đậm.
- Năm nào vua Lý Thái Tổ lên ngôi ?
 - Năm nào bà Triệu Thị Trinh khởi nghĩa chống quân Ngô ?
 - Vào năm bao nhiêu tuổi (Khi nào), Bạch Thái Bưởi làm thư kí cho một hãng buôn ?
 - Từ khi nào (Từ năm nào), Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập ?
 - Vào các năm nào, vùng quê bạn liên tục được mùa ?
12. Điền từ ngữ vào chỗ trống thích hợp để hoàn chỉnh truyện vui *Ai lấy nỏ thần ?*
- (1) Lịch sử ; (2) An Dương Vương ; (3) bực mình ; (4) không biết ; (5) thế nào ; (6) phàn nàn ; (7) mắng ; (8) mua
13. Đọc lại truyện vui *Ai lấy nỏ thần ?* đã hoàn chỉnh, trả lời câu hỏi.
- Thầy giáo môn Lịch sử hỏi Hằng và Minh : “Ai đã lấy cắp nỏ thần của An Dương Vương ở thành Cổ Loa ?”
 - Cả Hằng và Minh đều trả lời “Không biết” làm thầy rất bực mình. Thầy nói : “Chiếc nỏ thần mất mà hỏi ai cũng không biết là thế nào ?”
 - Bác chủ tịch Hội Cha mẹ học sinh nói : “Hội Cha mẹ học sinh chúng tôi xin mua cho nhà trường chiếc khác ạ.”
 - Câu chuyện buồn cười vì bác chủ tịch Hội Cha mẹ học sinh không biết là thầy giáo đang kiểm tra bài lịch sử gắn với sự tích chiếc nỏ thần của vua An Dương Vương bị mất cắp.
14. Viết về một người Việt Nam ở nơi em sinh sống thành đạt trong học tập, hoạt động xã hội hoặc kinh doanh. Đáp án mở.

BÀI 8. NGHỆ THUẬT

1. Đọc bài *Chùa Một Cột*, nối từ ngữ ở bên A với lời giải nghĩa hoặc hình ảnh thích hợp ở bên B.
- a – 2 ; b – 5 ; c – 1 ; d – 3 ; e – 4
2. Dựa vào bài đọc *Chùa Một Cột*, đánh dấu ☒ vào ☐ trước câu trả lời đúng
- ô3 (Ngôi chùa được đặt trên một cột đá nằm giữa hồ nước.) ;
 - ô2 (3 mét) ; c – ô3 (4 mét) ; d – ô1 (1,2 mét) ;
 - ô3 (Sách kỉ lục Guinness Việt Nam.)
3. Dùng **không thể không** và các từ ngữ đã cho, đặt câu theo mẫu.
- Nói tới nhạc cụ dân tộc Việt Nam **không thể không** nói tới cây đàn bầu.
 - Nói tới di tích lịch sử Trung Quốc **không thể không** nói tới Vạn Lí Trường Thành.
 - Nói tới thủ đô Paris **không thể không** nhắc tới tháp Eiffel.
 - Nói tới đất nước Malaysia **không thể không** nói tới toà tháp đôi.
 - Nhắc tới cố đô Huế **không thể không** nói tới dòng sông Hương.
 - Nói tới Hà Nội **không thể không** nói tới Hồ Hoàn Kiếm và Tháp Rùa.

4. Điền dưới mỗi tấm ảnh tên công trình kiến trúc và thành phố có công trình đó.
a) Cầu Tràng Tiền ở Huế (Việt Nam).
b) Nhà hát Ôpera Con Sò ở Sydney (Australia)
c) Tượng Nữ thần Tự do ở New York (Hoa Kì)
5. Viết tên nhạc cụ dân tộc Việt Nam dưới mỗi tấm ảnh.
a) nhị ; b) sáo ; c) đàn bầu ; d) đàn đá
6. Sắp xếp lại thứ tự các câu văn bằng cách đánh số thứ tự vào ☐ trước mỗi câu.
3 – 2 – 4 – 1 – 5 – 6 – 7 – 9 – 8
7. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng
a – ô1 (Đánh thức ông khi tàu đến ga Dijon.)
b – ô1 (Vì ông mệt và buồn ngủ.)
c – ô3 (Bị đánh thức, tôi có thể tôi to tiếng nhưng đừng ngại.)
d – ô2 (Vi ông ta đánh thức nhầm người khác.)
e – ô3 (Thái độ dũng dưng của ông ta và câu nói cuối truyện.)
8. Đọc truyện “Chú quên rồi à ?”, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng.
a – ô2 (Là một nhạc sĩ.) ; b – ô1 (Đãng trí.) ; c – ô3 (Xỏ nhầm tất.)
d – ô2 (Vi người lạ biết rõ chuyện nhà mình.)
h – ô1 (Vi Huy Du đãng trí, không nhận ra anh vợ.)
9. Điền vào mỗi chỗ trống một từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu có sử dụng **còn gọi là, còn được gọi là**.
a) Quả na *còn gọi là* quả măng cầu.
b) Mướp đắng *còn gọi là* khổ qua.
c) Những ca khúc tiền chiến *còn gọi là* nhạc vàng.
d) Con hổ *còn gọi là* Ông Ba Mươi.
e) Ngày rằm tháng Tám *còn gọi là* ngày tết Trung Thu.
10. Dùng từ ngữ, cụm từ đã cho để đặt câu theo mẫu **không phải vì ... mà vì ...**
a) Thơ Hồ Xuân Hương nổi tiếng *không phải vì* viết bằng chữ Nôm *mà vì* rất độc đáo.
b) Nhiều người thích âm nhạc Trịnh Công Sơn *không phải vì* nhạc *mà vì* lời bài hát.
c) Nguyễn Du nổi tiếng *không phải vì* làm quan cho nhà Nguyễn *mà vì* “Truyện Kiều”.
d) Người phụ nữ đáng yêu *không phải vì* đẹp *mà vì* sự duyên dáng.
e) Bài thơ hay *không phải vì* hình thức khác lạ *mà vì* nội dung cảm xúc.
11. Tìm các lỗi chính tả trong bài viết về nghệ sĩ xiếc Hồng Hạnh, sửa lại cho đúng.
Đoạn 1 (5 lỗi) : tinh → tỉnh ; nghệ thuật → nghệ thuật, khán dả → khán giả, sủng đáng → xứng đáng, giành cho → dành cho
Đoạn 2 (2 lỗi) : mũi rao → mũi dao, xúc sống → súc sống
Đoạn 3 (4 lỗi) : nguy hiểm → nguy hiểm, diễn tập → diễn tập, tiếc mục → tiết mục, gắng bó → gấn bó
12. Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn giới thiệu một tiết mục xiếc (hoặc một nghệ sĩ xiếc) mà em yêu thích. Đáp án mở.

BÀI 9. THỂ THAO

1. Nối từ ở bên A với nghĩa thích hợp ở bên B
a – 3 ; b – 2 ; c – 5 ; d – 4 ; e – 1
2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng
a – ô2 (cá nhân) ; b – ô1 (chân đất) ; c – ô2 (thất vọng) ; d – ô3 (ồn ào)
3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
a) thể lực ; b) huấn luyện ; c) kì vọng ; d) tách biệt ; e) hỗ trợ
4. Ghép tên dụng cụ với hình vẽ phù hợp
a – 8 ; b – 1 ; c – 3 ; d – 5 ; e – 4 ; g – 2 ; h – 6 ; i – 7

5. Dụng cụ nào dùng trong môn thể thao nào ? Hoàn thành các câu dưới đây :
- a) tennis ; b) đua thuyền ; c) cử tạ ; d) bắn cung; e) đấu kiếm ;
g) đấm bốc / quyền Anh ; h) nhảy cao ; i) đua xe đạp
6. Đọc các tin trong bài *Những kỷ lục Olympic của loài vật*, giải thích nghĩa của từ ngữ
- a) Dai sức : có thể hoạt động trong thời gian dài mà không mệt.
b) Cự li : khoảng cách
c) Chạy hết tốc lực : chạy với vận tốc cao nhất.
d) Vồ mồi : bắt một con vật khác để ăn thịt.
7. Dựa vào bài đọc, giải thích ý nghĩa của những con số
- a) 113 km / giờ ; 183 m : là tốc độ chạy của báo Gêpa trong cự li 183 m.
b) 270 kg : là trọng lượng lớn nhất mà một con voi có thể nhấc lên.
c) 6 mm : là chiều dài của một con bọ chết.
d) 70 cm : là độ cao mà một con bọ chết có thể nhảy.
e) 35 000 km : là khoảng cách mà một con nhạn biển có thể bay qua.
g) 109 km / giờ : là vận tốc bơi của cá cờ.
h) 322 km / giờ : là tốc độ tối đa của một con chim ưng khi nó lao xuống vồ mồi.
8. Viết câu theo mẫu, có sử dụng từ **dù**
- b) *Dù* báo Gêpa có thể chạy với tốc độ 113 km / giờ trong cự li 183 m, nó không thể giữ nguyên tốc độ như vậy trong quãng đường dài hơn 500 m.
c) *Dù* nhạn biển chỉ nặng 300 gram, nó có thể bay qua quãng đường 35 000 km đến Nam cực.
d) *Dù* tốc độ bay bình thường của chim ưng là 80 km / giờ, nhưng khi lao từ trên cao xuống vồ mồi, tốc độ tối đa có thể đạt tới 322 km / giờ.
9. Viết lại câu, có dùng **giá**
- a) *Giá* tôi là voi, tôi có thể nhấc được vật nặng 270 kg.
b) *Giá* mùa hè ở Bắc cực có thức ăn, loài nhạn biển sẽ không phải bay qua quãng đường dài 35 000 km đến Nam cực tìm thức ăn.
c) *Giá* báo Gêpa dai sức hơn, nó có thể chạy xa hơn khoảng cách 500m với vận tốc tối đa.
d) *Giá* tôi là cá cờ, tôi có thể bơi với vận tốc 109 km / giờ.
10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
- a) trở thành; b) trở nên; c) hẳn ; d) Bù lại.
11. Dùng **hắn**, viết lại câu
- a) Sân vận động sôi nổi *hắn* lên sau khi một cầu thủ ghi bàn.
b) Khi nhìn thấy con mồi, chim ưng bay nhanh hơn *hắn*.
c) Sau quãng đường dài, những con nhạn biển bay chậm *hắn* lại.
d) Do được ăn uống, tập luyện đều đặn, các cầu thủ nhí khoẻ mạnh *hắn* lên.
12. Dùng **gây** / **gây ra** để viết lại câu
- a) Thức ăn nhanh *gây* béo phì ở nhiều trẻ em.
b) Việc mọi người chen nhau vào sân vận động *gây ra* tai nạn.
c) Hôm qua mưa bão *gây* mất điện nhiều giờ liền ở thành phố.
d) Việc không có nơi để luyện tập *gây* khó khăn cho đội bóng thành phố.
13. Viết một đoạn văn ngắn về thành tích thể thao của một vận động viên mà em hâm mộ.
Đáp án mở.

BÀI 10. KINH TẾ

1. Những lời giải nghĩa đã cho đúng hay sai ?
a – sai ; b - đúng ; c – sai ; d – đúng ; e - đúng
2. Nối các từ trái nghĩa với nhau
a – 5 ; b – 3 ; c – 4 ; d – 1 ; e – 2
3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống
a) lăm lờ ; b) đề cao ; c) đối trá ; d) tự ti ; e) tiêu cực

4. Viết 3 câu nói về những việc sinh viên nên làm trong giờ học và 3 câu nói về những việc sinh viên không được làm. Đáp án mở.
5. Dùng **thà... còn hơn...**, viết tiếp lời nhân vật để hoàn thành câu.
- Quang nói : Thà nhịn đói còn hơn ăn thịt.
 - Mẹ Vân nói : Thà đi bộ còn hơn đi ô tô.
 - Kiên nói : Thà nấu cơm còn hơn rửa bát.
 - Phương nói : Thà mất điện còn hơn mất nước.
 - Quyên nói : Thà thức khuya còn hơn dậy sớm.
6. Điền **tỏ ra / tỏ vẻ / có vẻ** vào câu cho phù hợp
- có vẻ ; b) tỏ ra ; c) có vẻ ; d) tỏ ra ; g) tỏ vẻ
7. Dùng **ngay cả**, viết tiếp, hoàn thành câu. Đáp án mở. Ví dụ :
- Ở gia đình tôi, không chỉ có bố mẹ mới có điện thoại di động mà *ngay cả* các con cũng có.
 - Ở Việt Nam hiện nay, không chỉ học sinh, sinh viên ở các thành phố lớn học tiếng Anh mà *ngay cả* ở nông thôn nhiều người cũng học tiếng Anh.
 - Không chỉ các nước lớn bị khủng hoảng kinh tế mà *ngay cả* các nước nhỏ cũng bị.
 - Không chỉ đi xin việc mới cần phải tự tin mà *ngay cả* trong cuộc sống bình thường cũng cần tính cách này.
8. Đọc bài *Cà phê Trung Nguyên*, đánh dấu ☒ vào ☐ trước ý trả lời đúng :
- ô1 : Sai ; ô2 : Đúng ; ô3 : Đúng ; ô4 : Sai
9. Tìm từ trái nghĩa với các từ đã cho
- nhập khẩu ; b) lâu năm / già dặn ; c) yếu ớt ; d) chậm chạp
10. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp để hoàn thành bản tin
- thực hiện ; 2) phỏng vấn ; 3) cho thấy ; 4) chỉ ; 5) mắc ; 6) sử dụng
11. Trả lời câu hỏi
- Cà phê có tác dụng giúp con người tránh được bệnh mất trí nhớ.
 - Cần uống cà phê với liều lượng vừa phải.
 - c, d, e) Đáp án mở
12. Viết về một sản phẩm nổi tiếng mà em ưa thích. Đáp án mở.

BÀI 11. HỘI NHẬP

1. Đọc bài *Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất*, nối từ ngữ ở bên A với lời giải nghĩa hoặc hình ảnh thích hợp ở bên B
- a – 2 ; b – 1 ; c – 3 ; d – 7 ; e – 4 ; g – 5 ; h – 6
2. Dựa vào bài đọc trên, điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu
- (1) con đường ; (2) vùng đất
 - (1) 20 – 9 – 1519 ; (2) Tây Ban Nha
 - (1) đại dương ; (2) đặt tên ; (3) Thái Bình Dương.
 - (1) bỏ mình ; (2) kết quả
 - (1) đoàn thám hiểm ; (2) bờ biển
 - (1) trái đất ; (2) 1 083 ngày ; (3) khẳng định ; (4) phát hiện
3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống : **rằng** hay **là** ?
- (1) rằng / là ; (2) là
 - (1) rằng / là ; (2) là
 - (1) là ; (2) rằng / là
 - (1) rằng / là ; (2) là ; (3) là
4. Điền vào chỗ trống từ thích hợp
- dựng ; b) treo ; c) (1) đặt ; (2) cắm ; d) (1) gắn ; (2) đặt
5. Đặt câu với cụm từ *một trong những*
- Magellan là *một trong những* nhà thám hiểm vĩ đại của thế giới.
 - Việt Nam là *một trong những* nước có bờ biển rất dài.
 - Vincom là *một trong những* trung tâm thương mại lớn và hiện đại ở Hà Nội.
 - Lan là *một trong những* người bạn thân thiết mà Mai có thể kể hết mọi chuyện.
 - Quang Anh là *một trong những* sinh viên xuất sắc nhất ở trường đại học.

6. Hoàn thành câu bằng cách điền vào mỗi chỗ trống một cụm từ thích hợp
- Khi tới gần mỏm cực nam*, đoàn thám hiểm của Magellan phát hiện một eo biển dẫn tới một đại dương mênh mông.
 - Trước khi sang Paris*, Phương không nghĩ rằng có một sân bay lớn như sân bay Charles de Gaulle.
 - Khi đến Hồng trường ở Matxcơva*, Vân mới biết Hồng trường không lớn như Vân tưởng.
 - Hồi mới vào lớp 1*, Nam là học sinh bé nhất lớp.
 - Hồi mới bắt đầu nghề dạy học*, cô giáo Thu Nga đã đoạt giải hoa hậu thành phố cảng Hải Phòng.
7. Viết lời đáp có sử dụng cụm từ thích hợp (*đã khen, đã thông báo, đã an ủi, đã đợi, đã giúp*) để hoàn thành hội thoại.
- Cảm ơn cậu **đã đợi**.
 - Cảm ơn cậu **đã thông báo**. (...).
– Cảm ơn cậu **đã an ủi** (...).
 - (...). Cảm ơn cháu **đã khen**.
 - Cảm ơn em **đã khen**.
8. Hoàn thành các hội thoại bằng lời đáp có sử dụng từ **vẫn**
- Em **vẫn** thích ăn phở hơn.
 - Nhưng em **vẫn** thích đi đá bóng hơn.
 - Theo mình thì ngược lại, Thanh Mai **vẫn** đẹp hơn, duyên dáng hơn Diễm My.
 - Không, chúng tôi **vẫn** ở Hà Nội.
– Không ạ, cháu **vẫn** ở Hà Nội. Cháu không đi Huế.
9. Thêm **thậm chí** vào chỗ thích hợp để thể hiện ý nhấn mạnh
- Cô Susan **thậm chí** rất thích mặc áo dài và đội nón Việt Nam.
 - Anh John **thậm chí** rất mê nghệ thuật chèo, tuồng Việt Nam.
 - David **thậm chí** rất thích nước mắm Phú Quốc và tôm chua Huế.
 - Bé Bông **thậm chí** đã biết tự phục vụ : tự uống nước, xúc cơm.
 - Bạn gái của Phương là Thanh Thủy **thậm chí** không biết tự giặt quần áo.
10. Thêm từ **hơi** vào câu để thể hiện mức độ ít, một chút.
- Chị Dung **hơi** bất ngờ khi thấy Phương và Lân đến.
 - Bác Hoà **hơi** bức vì con gái không về mà không nhắn tin cho mẹ.
 - Bác Mạnh **hơi** phiền lòng vì anh Hưng không muốn theo nghề của bác.
 - Hôm nay, cụ Bằng và cụ Lý đều cảm thấy **hơi** mệt vì thời tiết thay đổi.
 - Long **hơi** buồn vì chủ nhật này không được ra bãi cát ven sông đá bóng.
11. Tìm 10 chữ viết sai trong truyện *Cuốn sách ghi những chuyện ngu ngốc*, sửa lại cho đúng (cuốn sách) giày → dầy ; (ngốc) ghéch → (ngốc) nghịch ; chao (cho) → trao (cho) ; để → dể ; dống (ngựa) → giống ; gi (tên) → ghi (tên) ; (cuốn) xách → (cuốn) sách ; (bình) tỉnh → (bình) tĩnh, hứa → hứa ; (vào) chỗ → (vào) chỗ
12. Viết một đoạn văn về nữ tử phú Helen Walton dựa vào những thông tin đã cho. Đáp án mở.

BÀI 12. XÃ HỘI

- Nối từ ngữ với chủ đề thích hợp.
– Hội nhập : giao lưu văn hoá, mở cửa, nối mạng toàn cầu, gia nhập WTO, đổi mới, giữ gìn bản sắc, du học, hợp tác quốc tế.
– Xã hội : lãng phí, tham nhũng, đói nghèo, công bằng xã hội, ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm.
- Điền từ ngữ thích hợp ở bài tập 1 vào chỗ trống để hoàn thành câu
a) giữ gìn bản sắc ; b) du học ; c) (1) an toàn thực phẩm ; (2) ô nhiễm môi trường,
d) (1) tham nhũng ; (2) lãng phí ; e) lãng phí
- Đọc truyện *Vị sứ thần thông minh*, dựa vào bài đọc, đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng
a – ô2 (Bội bạc với người đã làm ơn cho mình).
b – ô1 (Không yêu quý cha mẹ).
c – ô3 (Không trung thành với vua).
d – ô3 (Là thích thú, tự hào về mình hoặc về điều mình đã làm).

4. Dựa vào nội dung truyện, trả lời các câu hỏi

a) Vua Minh ra một câu đố hóc hiểm vì muốn thử tài sứ thần Việt Nam. Câu đố đó là : “Có ba người là vua, thầy học và cha của ông cùng đi dò qua sông. Đến giữa dòng, đò bị đắm. Vậy ông sẽ cứu ai ?”

b) Nguyễn Duy Thì trả lời : “Nếu chẳng may như thế thì thần sẽ nhảy ngay xuống sông rồi gặp ai trước thì cứu người đó. Thần sẽ cố gắng lần lượt cứu được cả ba”.

c) Vua Minh và cả triều đình thán phục sứ thần Việt Nam vì câu trả lời rất thông minh, hợp tình, hợp lý khiến vua Minh không thể buộc tội ông.

5. Điền cặp từ **vì ... nên, nếu ... thì** vào chỗ thích hợp

a) Nếu trả lời là cứu cha thì sẽ bị buộc tội bất trung, bất nghĩa.

b) Nếu trả lời là cứu thầy thì sẽ bị buộc tội bất trung, bất hiếu.

c) Nếu im lặng, không trả lời thì sẽ bị buộc vào cả ba tội trên.

d) Vì tin chắc sứ thần Đại Việt phải chịu thua nên vua Minh rất đắc ý.

6. Đọc truyện *Chiếc chìa khóa hòm thư*, trả lời câu hỏi

a) Chủ nhà đi nghỉ hè dặn người trông nhà gửi cho ông qua đường bưu điện tất cả thư từ mà bà nhận được trong thời gian ông đi vắng.

b) Cả tháng trời, ông không nhận được lá thư nào vì ông không để lại chìa khóa hòm thư cho người trông nhà.

c) Ông sửa sai bằng cách cho chìa khóa vào một phong bì, viết địa chỉ nhà mình và gửi thư qua bưu điện.

d) Đến cuối kì nghỉ, ông vẫn không nhận được một lá thư nào vì chìa khóa hòm thư nằm trong cái phong bì thư, mà phong bì thư đang nằm trong cái hòm thư bị khóa.

7. Trả lời các câu hỏi, sử dụng từ **để** hoặc **nhằm**

a) ... để thử tài sứ thần.

b) ... nhằm mục đích nhờ Tô Hiến Thành giúp lập con trai mình là Long Xưởng lên làm vua.

c) ... để người trông nhà có thể lấy được thư gửi cho ông.

d) ... để người lạ không lấy được thư.

8. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh truyện vui *Điện thoại cấp cứu*

(1) sử dụng ; (2) bệnh viện ; (3) hốt hoảng ; (4) gọi ; (5) cấp cứu ; (6) Điện thoại

9. Nối về câu ở bên A với về câu thích hợp ở bên B

a – 2 ; b – 5 ; c – 1 ; d – 3 ; e – 4

10. Dùng cụm từ **đời nào**, viết lại câu

a) Sứ thần Việt Nam Nguyễn Duy Thì **đời nào** chịu thua trước câu đố hóc hiểm của vua Minh.

b) Người phụ nữ giúp việc **đời nào** phá khoá hòm thư để lấy thư gửi cho chủ nhà.

c) Chính quyền địa phương **đời nào** cho phép săn bắt động vật hoang dã.

d) Thức ăn quá hạn sử dụng **đời nào** được phép bán cho người tiêu dùng.

11. Nối A với B để tìm cặp từ trái nghĩa

a – 5 ; b – 1 ; c – 2 ; d – 3 ; e – 4

12. Điền từ ở bài tập 11 vào chỗ trống để hoàn thành câu

a) rõ ràng ; b) thân thiện ; c) cá nhân ; d) rõ ràng ; e) nghiệp dư

13. Điền dấu thanh cho đúng (truyện *Bà đỡ có giọng nói dễ nghe*)

Chuột mẹ sắp sinh con. Chuột mẹ bảo chuột bố đi tìm một bà đỡ có giọng nói dễ nghe. Chuột bố đi ngay. Đầu tiên nó gặp một bà đỡ là bò, nhưng nó thấy giọng của bò to quá. Sau đó nó gặp một bà đỡ là chó nhưng thấy giọng của chó vẫn khó nghe. Đi tiếp, nó gặp một bà đỡ là mèo. Tiếng mèo kêu “Meo ! Meo !” vừa nhẹ nhàng vừa êm ái. Chuột bố thích quá, mời ngay mèo tới đỡ đẻ cho vợ nó.

Mèo giả vờ bảo chuột bố vào rừng tìm lá thuốc. Lá thuốc này khó kiếm nên chuột bố phải đi rất lâu. Đến khi chuột bố trở về thì chuột mẹ và chuột con đã bị mèo ăn thịt.

14. Viết một vài câu về ý nghĩa của câu chuyện trên. Đáp án mở.

MỤC LỤC

	Bài	Trang
1.	GIA ĐÌNH	4
2.	CỘNG ĐỒNG	10
3.	NÔNG THÔN	18
4.	ĐÔ THỊ	26
5.	MÔI TRƯỜNG	32
6.	PHONG TỤC	40
7.	LỊCH SỬ	46
8.	NGHỆ THUẬT	54
9.	THỂ THAO	62
10.	KINH TẾ	68
11.	HỘI NHẬP	72
12.	XÃ HỘI	78
	ĐÁP ÁN	84

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO – TRẦN THỊ PHÚ BÌNH

Biên tập tái bản và sửa bản in :
THÂN THUỶ TRANG

Biên tập mỹ thuật :
NGUYỄN THANH LONG

Trình bày bìa và minh họa :
LÊ PHƯƠNG

Thiết kế sách :
LÊ PHƯƠNG – ĐỖ THU TRANG

TIẾNG VIỆT VUI
Sách bài tập, quyển 6
(Sách thử nghiệm)
Mã số :81887H5

In... bản (QĐ...), khổ ... x ... cm
In tại : ...
Đơn vị in : địa chỉ
Cơ sở in : địa chỉ
Số ĐKXB : 3990 – 2015/CXBIPH/17 – 1832/GD
Số QĐXB : .../ QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiếu tháng ... năm